

Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Mã học phần:

I. Phần chung cho cả học phần

1. Mục tiêu của học phần

- Mục tiêu về kiến thức:

+ Nắm vững những nội dung, sự kiện, đường lối chủ trương của Đảng cộng sản Việt Nam trong việc lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Nắm vững mối liên hệ của môn học với các môn học và các ngành nghề khác để tiếp tục học tập.

+ Nhận biết sự thay đổi của khoa học công nghệ liên quan đến môn học.

- Về kỹ năng:

+ Phát triển tri thức môn học trên cơ sở vận dụng kiến thức môn học, ngành học và thực tiễn

+ Có kỹ năng làm việc với người khác thông qua việc chia sẻ ý tưởng về môn học, ngành học.

+ Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt nhưng liên quan đến ngành học, môn học.

- Về thái độ:

+ Thể hiện sự yêu thích, đam mê tìm hiểu những vấn đề liên quan đến môn học.

+ Kính trọng, yêu quý, muốn noi gương các nhà khoa học, giảng viên giảng dạy môn học.

+ Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng.

+ Có sự tự tin và tính chuyên nghiệp...

2. Chuẩn bị

- Giảng viên:

+ *Các phương tiện dạy học chính:* Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phần viết, máy chiếu, microphone...

- Sinh viên:

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:* Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

II. Phần chi tiết theo từng bài giảng:

3 tiết lý thuyết

- Tên bài giảng: CHƯƠNG NHẬP MÔN: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CHƯƠNG I: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN 1930-1945

1. Mục tiêu

****Về kiến thức***

- Học sinh nắm được khái niệm lịch sử ĐCSVN, đối tượng nghiên cứu của môn học, nhiệm vụ nghiên cứu của môn học.

- Nắm được phương pháp nghiên cứu của môn học và ý nghĩa của việc học tập môn học.

- SV hiểu được những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử ra đời của ĐCSVN: hoàn cảnh quốc tế cũng như hoàn cảnh trong nước có những chuyển biến như thế nào.

+ SV biết được Hội nghị thành lập Đảng, hiểu được nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

****Về kỹ năng***

+ Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội.

+ Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; có kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội.

+ Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

**** Về thái độ***

- + Tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng .
- + Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- + Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu khoa học, tự rèn luyện bản thân về đạo đức và trình độ chuyên môn.

2. Chuẩn bị

- **Giảng viên:** phương tiện dạy học, giáo án, sách bài tập, giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên,...

- **Sinh viên:** giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập,...

3. Nội dung bài giảng

Nội dung	Hình thức học
<p>N1: NỘI DUNG SV PHẢI BIẾT</p> <p>Chương nhập môn:</p> <p>I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>III. Phương pháp nghiên cứu môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>Chương 1:</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử</p> <p>2. Sự ra đời của Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên</p>	GV giảng
<p>N2: NỘI DUNG SV NÊN BIẾT</p> <p>II. Chức năng, nhiệm vụ môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</p>	SV tự nghiên cứu
<p>N3: NỘI DUNG SV CẦN BIẾT</p> <p>- CNDVBC, CNDVLS</p>	SV đọc tài liệu tham khảo

Nội dung chi tiết bài giảng

CHƯƠNG NHẬP MÔN: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử Đảng là sự ra đời, phát triển, hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kì lịch sử.

Môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Các sự kiện thể hiện quá trình Đảng ra đời, phát triển và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến cứu quốc và xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,...

Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước bằng *Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn*. Lịch sử Đảng phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ *thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam* do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất, thành tựu của công cuộc đổi mới.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng là giáo dục sâu sắc những *kinh nghiệm, bài học* trong lãnh đạo của Đảng. Tổng kết kinh nghiệm, bài học, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam là công việc thường xuyên của Đảng ở mỗi thời kỳ lịch sử.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng để nêu cao hiểu biết về *công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử* về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Xây dựng Đảng về chính trị bảo đảm tính đúng đắn của đường lối, củng cố chính trị nội bộ và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng.

II. Chức năng, nhiệm vụ môn học Đảng Cộng sản Việt Nam

Trước hết đó là *chức năng nhận thức*. Nghiên cứu và học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để nhận thức đầy đủ, có hệ thống những tri thức lịch sử lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng, nhận thức rõ về Đảng với tư cách một Đảng chính trị-tổ chức lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Quy luật ra đời và phát triển của Đảng là sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và

phong trào yêu nước Việt Nam.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn nhằm nâng cao nhận thức về thời đại mới của dân tộc-thời đại Hồ Chí Minh, góp phần bồi đắp nhận thức lý luận từ thực tiễn Việt Nam. Nâng cao nhận thức về giác ngộ chính trị, góp phần làm rõ những vấn đề của khoa học chính trị (chính trị học) và khoa học lãnh đạo, quản lý.

Nghiên cứu, biên soạn, giảng dạy, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần quán triệt *chức năng giáo dục* của khoa học lịch sử. Giáo dục sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn, ý chí tự lực, tự cường dân tộc. Tinh thần đó hình thành trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc và phát triển đến đỉnh cao ở thời kỳ Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Cùng với hai chức năng cơ bản của sử học là *nhận thức* và *giáo dục*, khoa học lịch sử Đảng còn có chức năng *dự báo* và *phê phán*. Từ nhận thức những gì đã diễn ra trong quá khứ để hiểu rõ hiện tại và dự báo tương lai của sự phát triển.

Nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng

Nhiệm vụ của khoa học lịch sử Đảng được đặt ra từ đối tượng nghiên cứu đồng thời cụ thể hóa chức năng của khoa học lịch sử Đảng.

Khoa học lịch sử Đảng có *nhiệm vụ hàng đầu là khẳng định, chứng minh giá trị khoa học và hiện thực của những mục tiêu chiến lược và sách lược cách mạng* mà Đảng đề ra trong Cương lĩnh, đường lối từ khi Đảng ra đời và suốt quá trình lãnh đạo cách

CHƯƠNG I: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẦU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN 1930-1945

I. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930)

1. Bối cảnh lịch sử

Trong khoảng 30 năm cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển mạnh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Các nước đế quốc phương Tây đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch thuộc địa nhằm giải quyết vấn đề thị trường. Điều đó không chỉ dẫn tới sự phát triển gay gắt mâu thuẫn giữa các nước đế quốc trong việc tranh giành thuộc địa, mà còn làm cho mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng sâu sắc.

Phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa trở thành một vấn đề có tính thời đại, ngày càng phát triển mạnh, đặc biệt là ở châu Á. Phong trào dân tộc đòi

độc lập ở Trung Quốc với cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) và sự phát triển của chủ nghĩa tam dân có ảnh hưởng lớn đối với các nước trong khu vực. Ảnh hưởng của Nhật Bản cũng lan rộng với sự thành công của cuộc *Minh Trị Duy tân* năm 1868 và thắng lợi trong chiến tranh Nga - Nhật (năm 1904). Phong trào độc lập ở Ấn Độ chống sự thống trị của thực dân Anh ngày càng lên cao. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến Việt Nam.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã chặt đứt khâu yếu nhất trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa, mở ra thời đại mới trong lịch sử loài người. Đó không chỉ là cuộc cách mạng vô sản, đưa công nhân và nông dân Nga lên nắm chính quyền, mà còn giải phóng các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga, nên có tác động sâu sắc đến các nước thuộc địa, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức đấu tranh tự giải phóng.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới, không những vạch đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản mà còn quan tâm giải quyết vấn đề dân tộc và thuộc địa, với khẩu hiệu chiến lược: *Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại.*

Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 thành công cùng sự ra đời và hoạt động của Quốc tế Cộng sản tác động mạnh mẽ đối với phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Việt Nam.

**Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng*

Trong bối cảnh các nước đế quốc đẩy mạnh tìm kiếm thuộc địa, Việt Nam trở thành đối tượng chinh phục của thực dân Pháp.

Về chính trị, thực dân Pháp chia Việt Nam thành ba kỳ với ba chế độ cai trị khác nhau Bắc Kỳ (xứ bán bảo hộ), Trung Kỳ (xứ bảo hộ), Nam Kỳ (xứ thuộc địa), cùng hai xứ Ai Lao và Cao Miên nằm trong *Liên bang Đông Dương thuộc Pháp*.

Về kinh tế, từ năm 1897, sau khi đàn áp phong trào vũ trang chống Pháp của nhân dân Việt Nam, thực dân Pháp thiết lập bộ máy cai trị và tiến hành khai thác thuộc địa, làm cho cơ cấu và tính chất nền kinh tế Việt Nam có sự biến đổi, dẫn đến sự ra đời những đô thị mới, những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới.

Về văn hoá - xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” để dễ cai trị, duy trì tệ nạn xã hội vốn có của chế độ phong kiến và tạo nên nhiều tệ nạn xã hội mới, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc các thế hệ người Việt Nam, ra sức tuyên

truyền tư tưởng “khai hoá văn minh” của nước "Đại Pháp"...

Xã hội Việt Nam có sự biến chuyển về cơ cấu và tính chất. Các giai cấp cũ ít nhiều có thay đổi, các giai cấp, tầng lớp mới lần lượt ra đời. Mỗi giai cấp có địa vị kinh tế, thái độ chính trị và khả năng cách mạng khác nhau.

Giai cấp địa chủ bị phân hóa. Bộ phận đại địa chủ câu kết với thực dân Pháp và trở thành công cụ cho nền thống trị của thực dân. Bộ phận trung, tiểu địa chủ tuy trong quan hệ với nông dân có mặc hạn chế, nhưng trong quan hệ với đế quốc Pháp, cũng phải chịu nỗi nhục mất nước, nên có khả năng tham gia phong trào yêu nước chống Pháp.

Giai cấp nông dân là thành phần đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam (chiếm gần 90% dân số). Dưới chế độ thuộc địa, nửa phong kiến, nông dân bị đế quốc, phong kiến và tư bản bóc lột nặng nề.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trong quá trình thực dân Pháp thực hiện cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng. Giai cấp công nhân Việt Nam sớm tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga. Do vậy, tuy lực lượng công nhân Việt Nam còn ít ², nhưng phong trào công nhân nhanh chóng phát triển từ “tự phát” đến “tự giác”; là giai cấp có sứ mệnh lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914- 1918), nhưng do bị tư bản Pháp chèn ép, cạnh tranh gay gắt, nên số lượng ít, thế lực kinh tế nhỏ bé, thế lực chính trị yếu đuối. Bộ phận tư sản mại bản gắn liền lợi ích với tư bản Pháp, tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của chính quyền thực dân. Bộ phận tư sản dân tộc mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến, có tinh thần yêu nước, nên có thể tham gia phong trào yêu nước.

Tầng lớp tiểu tư sản (tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,...) bị đế quốc, tư bản chèn ép, khinh miệt, do đó có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị và thời cuộc, dễ dàng tiếp thu tư tưởng tiến bộ, là một lực lượng cách mạng quan trọng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Trong lòng xã hội Việt Nam hình thành nên những mâu thuẫn đan xen nhau, song mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động. Sự thống trị, áp bức và bóc lột càng tăng thì mâu thuẫn đó càng sâu sắc, sự phản kháng và đấu tranh vì sự tồn vong của dân tộc càng phát triển mạnh mẽ, gay gắt về tính chất, đa dạng về nội dung và hình thức. Trái lại, sự xung đột, đấu

tranh về quyền lợi riêng của mỗi giai cấp trong nội bộ dân tộc được giảm thiểu và không quyết liệt như cuộc đấu tranh dân tộc.

**Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng*

Cuối thế kỷ XIX, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn đầu hàng đế quốc Pháp, song phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn diễn ra sôi nổi. Phong trào *Cần Vương* (1885-1896), một phong trào đấu tranh vũ trang do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động, mở đầu bằng cuộc tiến công trại lính Pháp ở cạnh kinh thành Huế (1885). Việc không thành, Tôn Thất Thuyết đưa Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị), hạ chiếu *Cần Vương*. Mặc dù sau đó Hàm Nghi bị bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn phát triển, nhất là ở Bắc kỳ và Bắc Trung kỳ, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: *Ba Đình* của Phạm Bành và Đinh Công tráng (1881-1887), *Bãi Sậy* của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892) và *Hương Khê* của Phan Đình Phùng (1885-1895). Cùng thời gian này còn nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân *Yên Thế* do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài đến năm 1913.

Phan Bội Châu chủ trương dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản, để đánh Pháp giành độc lập dân tộc, thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến của Nhật.

Phan Châu Trinh chủ trương dùng những cải cách văn hóa, mở mang dân trí, nâng cao dân khí, phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu, nước mạnh, buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam.

Do những hạn chế về lịch sử, về giai cấp, nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng chính xác cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc nên chỉ sau một thời kỳ phát triển bùng nổ đã bị kẻ thù dập tắt.

Phong trào yêu nước dân chủ công khai (1925-1926) của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới. Họ lập ra nhiều tổ chức chính trị như: *Việt Nam Nghĩa đoàn*, *Phục Việt* (1925), *Hưng Nam*, *Thanh niên cao vọng* (1926); thành lập nhiều nhà xuất bản như *Nam Đồng thư xã*, (Hà Nội), *Cường học Thư xã* (Sài Gòn), *Quan hải tùng thư* (Huế); ra nhiều báo chí tiến bộ như *Chuông rạn* (*La Cloche fêléet*), *Ngời nhà quê* (*Le Nhaque*), *An Nam trẻ* (*La jeune Annam*)...

- *Phong trào cách mạng quốc gia tư sản* (1927-1930) gắn liền với sự ra đời và

hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng (25-12-1927). Ngày 9-2-1929 một số đảng viên của Việt Nam Quốc dân Đảng ám sát trùm mộ phu Ba-danh (Bazin) tại Hà Hội. Thực dân Pháp điên cuồng khủng bố phong trào yêu nước. Việt Nam Quốc dân đảng bị tổn thất nặng nề nhất. Trong tình thế hết sức bị động các lãnh tụ của Đảng quyết định dốc toàn bộ lực lượng vào một trận chiến đấu cuối cùng với tư tưởng “không thành công cũng thành nhân”.

Ngày 9-2-1930 cuộc khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ, trung tâm là thị xã Yên Bái với cuộc tiến công trại lính Pháp của quân khởi nghĩa. Ở một số địa phương như Thái Bình, Hải Dương ... cũng có những hoạt động phối hợp.

Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam cuối cùng đều thất bại do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhưng đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức tiên tiến chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại.

2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

Khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Nguyễn Ái Quốc từ Luân Đôn trở lại Paris, tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tháng 6-1919, tại Hội nghị các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp ở Vécxây (Versailles), Tổng thống Mỹ Uynxon tuyên bố bảo đảm quyền dân tộc tự quyết cho các nước nhược tiểu. Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam gồm tám điểm, đòi các quyền tự do dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Những yêu sách đó không được Hội nghị đáp ứng, nhưng sự kiện này đã tạo nên tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế và Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ hơn bản chất của đế quốc thực dân: “chủ nghĩa Uynxon chỉ là một trò bịp bợm lớn”.

Tại Đại hội XVIII của Đảng Xã hội Pháp (tháng 12-1920) họp ở thành phố Tua (Tour), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) và tiếp đó, tham gia thành lập *Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản* - tức Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển quyết định trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc; đồng thời mở ra “giai đoạn gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, đưa nhân dân Việt Nam đi theo con đường mà chính Người đã trải qua, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin”.

Quá trình chuẩn bị điều kiện cho sự ra đời của Đảng

Sau khi xác định được con đường cách mạng đúng đắn, trở thành người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc ra sức hoạt động, chuẩn bị những điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về tư tưởng chính trị

Tư tưởng chính trị được trình bày qua nhiều bài viết của Nguyễn Ái Quốc đăng trên các báo: *Le Paria (Người cùng khổ)* của Hội Liên hiệp thuộc địa, *L'Humanite (Nhân đạo)* của Đảng Cộng sản Pháp, *La Vie Ouvrière (Đời sống công nhân)* của Tổng Liên đoàn lao động Pháp, *La Revue Communiste (Tạp chí Cộng sản)* của Quốc tế Cộng sản, *Pravda* của Đảng Cộng sản Liên Xô, *Thanh niên* của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên...; những tham luận trình bày tại một số đại hội và hội nghị quốc tế, nhất là Đại hội V của Quốc tế Cộng sản (tháng 7-1924); đặc biệt qua hai tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (được xuất bản lần đầu tiên ở Paris năm 1925 và *Đường Kách mệnh* (do Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản năm 1927).

Lý luận giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc vạch ra những phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam:

Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là “dân tộc cách mệnh” (cách mạng giải phóng dân tộc). Các cuộc cách mạng Mỹ (1776), cách mạng Pháp (1789) là cách mạng “chưa đến nơi” vì quần chúng nhân dân vẫn đói khổ, Cách mạng tháng Mười Nga (1917) đã “thành công đến nơi”, vì thế cách mạng Việt Nam cần phải đi theo con đường của cách mạng vô sản.

Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc, vì "sỹ, nông, công, thương" đều nhất trí chống lại cường quyền, trong đó công nông là "chủ cách mệnh", là "gốc cách mệnh", còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là "bầu bạn cách mệnh của công nông".

"Cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người". Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng vì vậy phải động viên, tổ chức và lãnh đạo đông đảo quần chúng vùng lên "đánh đuổi tụi áp bức mình đi".

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cần được sự giúp đỡ quốc tế, nhưng "muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã".

Lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc là ánh sáng soi đường cho lớp thanh niên yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX đang đi tìm chân lý, là ngọn cờ

hướng đạo phong trào cách mạng Việt Nam trong thời kỳ vận động thành lập Đảng, là sự chuẩn bị điều kiện về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng và đặt nền móng cho sự ra đời cương lĩnh chính trị của Đảng về sau.

Về tổ chức, ngày 11-11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Sau khi tiếp xúc với *Tâm tâm xã* – một tổ chức yêu nước của thanh niên Việt Nam (thành lập năm 1923) và nhận thấy họ không hiểu gì về lý luận, lại càng không biết việc tổ chức, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số người tích cực và giác ngộ họ, lập ra *Cộng sản đoàn* (tháng 2-1925) gồm Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lưu Quốc Long, Trương Văn Lĩnh, Lê Quảng Đạt và Lâm Đức Thụ. Trên cơ sở hạt nhân đó, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* (6-1925) với cơ quan tuyên truyền là tuần báo *Thanh niên*. Hội công bố Tuyên ngôn, nêu rõ mục đích tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình.

Để đào tạo một đội ngũ cán bộ cách mạng, sau khi đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc mở nhiều lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu. Phần lớn học viên là thanh niên, học sinh, trí thức Việt Nam yêu nước. Họ học làm cách mạng, học cách hoạt động bí mật. Một số được chọn đi học ở trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, một số khác được cử đi học trường quân sự Hoàng Phố, còn phần lớn “bí mật về nước để “truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân”.

Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên có cơ quan lãnh đạo cao nhất là Tổng bộ, trong đó có Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn. Trụ sở của Tổng bộ đóng ở Quảng Châu. Hội có tổ chức cơ sở trong cả nước, một số cơ sở ở Thái Lan. Đầu năm 1927 các kỳ bộ được thành lập. Năm 1928, Hội có gần 300 hội viên; đến năm 1929 tăng lên 1700 hội viên.

Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là một tổ chức yêu nước có khuynh hướng cộng sản, một tổ chức quá độ để tiến lên thành lập Đảng, một bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên

**Các tổ chức cộng sản ra đời*

Đến năm 1929, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo thống nhất của một đảng cách mạng. Yêu cầu khách quan đó tác động vào các tổ chức tiền cộng sản, dẫn đến cuộc đấu tranh nội

bộ và sự phân hoá tích cực trong các tổ chức này, hình thành nên các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

Phong trào *Vô sản hoá* (từ năm 1928) của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên diễn ra mạnh nhất là ở Bắc kỳ, làm cho phong trào cách mạng ở đây phát triển sôi nổi hơn, yêu cầu thành lập đảng cộng sản cũng xuất hiện sớm hơn.

Ngày 17-6-1929, tại nhà số 312 Khâm Thiên, Hà Nội, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản họp đại hội, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ, quyết định xuất bản báo *Búa liềm* và cử ra Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.

Ngày 25-7-1929, một số người trong bộ phận Việt Nam cách mạng thanh niên hoạt động ở Trung Quốc gửi Đông Dương Cộng sản Đảng một bức thư, thông báo rằng họ quyết định lập một đảng cộng sản bí mật, còn "Thanh niên giữ nguyên để cải tổ dần...".

Cùng với sự phân hoá trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Tân Việt cách mạng Đảng cũng có sự chuyển biến.

14-7-1928, Việt Nam cách mạng đồng chí hội họp đại hội ở Huế, quyết định tổ chức ra *Tân Việt cách mạng Đảng*.

Sự ra đời của Đông Dương cộng sản Đảng (6-1929) và An Nam cộng sản Đảng (8-1929) tác động mạnh mẽ đến sự phân hoá trong Tân Việt. Những đảng viên tiên tiến đã tách ra thành lập các chi bộ cộng sản. Tháng 9-1929 họ công bố *Tuyên đạt*, nêu rõ "chúng tôi đã chánh thức lập ra *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*"¹. Mục tiêu của đảng là đấu tranh giành độc lập hoàn toàn cho xứ Đông Dương, xoá bỏ nạn người bóc lột người, xây dựng chế độ công nông chuyên chính, tiến lên chế độ cộng sản chủ nghĩa.

**Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam*

Lúc đó, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm và tìm đường về nước thì nhận được tin Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tan rã, "những người cộng sản chia thành nhiều phái". Nếu để tình trạng đó kéo dài sẽ là một nguy cơ đối với cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ điều đó, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm về Hương Cảng (Trung Quốc), "với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương", *chủ động* triệu tập "đại biểu của hai nhóm (Đông Dương và An Nam)" và chủ trì Hội nghị hợp nhất đảng tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Hội nghị bắt đầu họp ngày 6-1-1930.

Hội nghị hoàn toàn nhất trí, tán thành việc hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng.

**Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng bao gồm *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được Hội nghị thành lập Đảng thông qua, nội dung cơ bản như sau:

Xác định *phương hướng chiến lược* của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".

Xác định những *nhiệm vụ cụ thể của cách mạng*:

Về chính trị: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập, dựng ra Chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.

Về kinh tế: tịch thu toàn bộ các sản nghiệp lớn của bọn đế quốc giao cho Chính phủ công nông binh; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, miễn thuế cho dân cày nghèo, thi hành luật ngày làm tám giờ.

Về văn hoá xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

Những nhiệm vụ trên đây bao gồm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ, chống đế quốc chống phong kiến, song nổi lên hàng đầu là nhiệm vụ chống đế quốc giành độc lập dân tộc.

Về *lực lượng cách mạng*, Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít hơn mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ.

Lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản. "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng". Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, "liên kết với những

dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp".

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp và thấm đượm tinh thần dân tộc. Độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này

4. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là kết quả tất yếu của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam sục sôi trong những năm 20 của thế kỷ XX.

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cũng là lúc Việt Nam Quốc dân Đảng hoàn toàn tan rã với thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930). Lịch sử trao cho Đảng Cộng sản Việt Nam sứ mệnh nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng với hệ thống tổ chức chặt chẽ và cương lĩnh chính trị đúng đắn đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo cách mạng kéo dài mấy chục năm đầu thế kỷ XX. Đó là bước ngoặt vĩ đại trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Đảng ra đời làm cho cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Từ đây dân tộc Việt Nam tham gia vào sự nghiệp cách mạng thế giới một cách có tổ chức.

Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam.

4. Củng cố, tổng kết

Nhắc lại những kiến thức trọng tâm của bài học

- Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu của môn học
- Cơ sở phương pháp luận và ý nghĩa của việc học tập môn học này đối với SV
- Hoàn cảnh quốc tế, trong nước
- Sự chuẩn bị của Nguyễn Ái Quốc đối với thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Sự ra đời của ĐCSVN và Cương lĩnh chính trị đầu tiên

5. Giao nhiệm vụ

- Ôn lại bài cũ
 - Đọc trước nội dung phần II chương 1
-

3 tiết lý thuyết

- Tên bài giảng:

CHƯƠNG I: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN 1930-1945 (tiếp)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

- + SV hiểu được những chủ trương đấu tranh trong giai đoạn 1930-1935
- + SV hiểu được những chủ trương đấu tranh trong giai đoạn 1936-1939

- Kỹ năng:

+ Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội.

+ Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; có kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội.

+ Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Thái độ:

+ Thấy được đây là bài học lịch sử vô giá về xác định đường lối và chỉ đạo đường lối, sv phải biết trân trọng và phát huy trong điều kiện mới

+ Tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng .

+ Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu khoa học, tự rèn luyện bản thân về đạo đức và trình độ chuyên môn.

2. Chuẩn bị

- **Giảng viên:** phương tiện dạy học, giáo án, sách bài tập, giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên,...

- **Sinh viên:** giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập,...

3. Nội dung bài giảng

Nội dung	Hình thức học
<p>N1: NỘI DUNG SV PHẢI BIẾT</p> <p>II.2. Phong trào dân chủ (1936-1939)</p> <p>II.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945</p> <p><i>*Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng</i></p> <p><i>*Phong trào chống Pháp - Nhật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang .</i></p>	GV giảng
<p>N2: NỘI DUNG SV NÊN BIẾT</p> <p>II.</p> <p>1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935</p>	SV tự nghiên cứu
<p>N3: NỘI DUNG SV CÓ THỂ BIẾT</p> <p>- Bản chất, đặc trưng và tham vọng của chủ nghĩa phát xít</p> <p>- Nội dung tác phẩm “Tuyên ngôn của ĐCSĐĐ đối với thời cuộc” và “Tự chỉ trích”</p>	SV đọc tài liệu tham khảo

Nội dung chi tiết bài giảng

CHƯƠNG I: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN 1930-1945

II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền 1930-1945

1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935

Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935

Những năm 1929-1933, khi Liên Xô đang đạt được những kết quả lớn trong công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, thì trong các nước tư bản chủ nghĩa diễn ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng, trên qui mô lớn, hậu quả nặng nề. Những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động dâng cao.

Cuộc khủng hoảng lan nhanh đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Giữa lúc ấy, thực dân Pháp lại tăng cường vơ vét, bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, làm cho nền kinh tế Việt Nam sa sút nghiêm trọng. Mặt khác, thực dân Pháp tiến hành một chiến dịch khủng bố khốc liệt nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930), gây nên bầu không khí chính trị căng thẳng.

Tình hình kinh tế và chính trị trên đây làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng phát triển gay gắt. "Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh".

Giữa lúc đó Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân chống đế quốc và tay sai.

Từ tháng 1 đến tháng 4-1930, nhiều cuộc bãi công của công nhân đã nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy... Phong trào đấu tranh của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh... Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và nhiều địa phương.

Cao trào cách mạng năm 1930, mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ-Tĩnh là trận thử thách đầu tiên và toàn diện của quần chúng công nông dưới sự lãnh đạo Đảng, nhằm chống lại nền thống trị của đế quốc và phong kiến. Cao trào cách mạng đó đã tỏ rõ tinh thần chiến đấu hy sinh oanh liệt và năng lực cách mạng sáng tạo của nhân dân lao động Việt Nam. Tuy bị đế quốc và tay sai dìm trong biển máu, nhưng nó có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn.

** Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 10/1930*

Từ ngày 14 đến 31-10-1930 Ban chấp hành Trung ương họp hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) do Trần Phú chủ trì, thông qua Nghị quyết "Về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng" và Điều lệ Đảng. Ban chấp hành Trung ương nhận định Hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản đầu năm 1930 ít chú ý đến việc bài trừ những tư tưởng và hành động biệt phái của các tổ chức cộng sản; việc đặt tên đảng không đúng, vì gọi là Việt Nam cộng sản đảng thì không bao gồm được

Cao Miên và Lào. Xuất phát từ quan điểm cho rằng: vô sản Việt Nam, Cao Miên và Lào tuy tiếng nói, phong tục và nòi giống khác nhau, nhưng về mặt chính trị và kinh tế thì cần phải liên lạc mật thiết với nhau, Ban chấp hành Trung ương quyết định "bỏ tên Việt Nam cộng sản Đảng mà lấy tên Đông Dương cộng sản Đảng".

Hội nghị đánh giá Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt của Đảng do Hội nghị hiệp nhất thông qua đã phạm sai lầm chính trị rất "nguy hiểm" vì "chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu", Ban chấp hành Trung ương quyết định "thủ tiêu Chánh cương, Sách lược của Đảng" và chỉ rõ: phải dựa và nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, chính sách và kế hoạch của Đảng "làm căn bản mà chỉnh đốn nội bộ, làm cho Đảng bôn-sê-vích hoá". Thay cho Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam là *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án cương lĩnh)*. Ban chấp hành Trung ương mới của Đảng được thành lập gồm 6 uỷ viên, do Trần Phú làm Tổng Bí thư. Hội nghị còn thông qua các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ...

**Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất, T3/1935*

Từ cuối năm 1930, do bị thực dân Pháp khủng bố dữ dội, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. Toàn bộ Ban chấp hành Trung ương bị bắt, không còn lại một uỷ viên Trung ương nào¹. Hầu hết uỷ viên các Xứ uỷ Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ bị bắt. Tháng 4-1931 Tổng bí thư Trần Phú bị bắt tại Sài Gòn. Tháng 6-1931, Nguyễn Ái Quốc cũng bị đế quốc Anh bắt giam trái phép ở Hương Cảng. "Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết"².

Cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ. Đảng kiên trì giữ vững đường lối chiến lược cách mạng. Trong nhà tù đế quốc, cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn. Các đảng viên của Đảng nêu cao khí tiết người cộng sản, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng. Bằng trí tuệ và kinh nghiệm hoạt động của mình, lại được ủng hộ của các tổ chức cách mạng quốc tế, với sự giúp đỡ tận tình của luật sư Lô-dơ-bi cùng một số luật sư tiến bộ người Anh, Nguyễn Ái Quốc thoát khỏi nhà tù thực dân. Tổng Bí thư Trần Phú bị địch tra tấn rất dã man, chết đi sống lại nhiều lần, song luôn luôn giữ vững khí tiết cách mạng; trước lúc hy sinh còn căn dặn các đồng chí của mình "Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!". *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương (15-6-1932)* khẳng định phương hướng chiến lược của

cách mạng là: "Công nông Đông Dương dưới quyền chỉ đạo của Đảng Cộng sản sẽ nổi lên võ trang khởi bạo động thi hành cho được những nhiệm vụ... của cuộc cách mạng phản đế và điền địa, rồi sẽ cùng nhau giải phóng tiến lên để đạt xã hội xã hội chủ nghĩa". Để chuẩn bị cho cuộc võ trang bạo động sau này, Đảng phải đề ra và lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành những quyền lợi thiết thực hàng ngày, rồi dần đưa quần chúng tiến lên đấu tranh cho những yêu cầu chính trị cao hơn, thực hiện sự kết hợp giữa những yêu cầu khẩn cấp trước mắt với những nhiệm vụ căn bản của cuộc cách mạng phản đế và điền địa. Những yêu cầu chung trước mắt của đông đảo quần chúng được vạch ra trong Chương trình hành động là:

1. Đòi các quyền tự do tổ chức, xuất bản, ngôn luận, đi lại trong nước và ra nước ngoài.
2. Bỏ những luật hình đặc biệt đối với người bản xứ, trả lại tự do cho tù chính trị, bỏ ngay chính sách đàn áp, giải tán hội đồng đề hình.
3. Bỏ thuế thân, thuế ngụ cư và các thứ thuế vô lý khác.
4. Bỏ các độc quyền về rượu, thuốc phiện và muối.

Chương trình hành động vạch rõ: phải ra sức tuyên truyền rộng rãi các khẩu hiệu đấu tranh của Đảng, phải mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, ra sức củng cố và phát triển các đoàn thể cách mạng của quần chúng... Đặc biệt cần phải "gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng đạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu".

Chủ trương đấu tranh trước mắt trong Chương trình hành động năm 1932 phù hợp với điều kiện lịch sử lúc bấy giờ. Các tổ chức cơ sở của Đảng lợi dụng những hình thức tổ chức hợp pháp như các hội cày, cấy, gặt hái, đá bóng, đọc sách báo, hiếu hỷ để tập hợp quần chúng, làm cho phong trào đấu tranh được nhen nhóm lại. "Một điều đặc sắc là đa số trong các cuộc đấu tranh của quần chúng do Đảng chỉ huy... đều được thắng lợi hoặc hoàn toàn, hoặc từng phần, khiến cho công nông thêm hăng hái tranh đấu".

Một số đảng viên cộng sản tranh thủ khả năng hoạt động hợp pháp để tham gia cuộc tranh cử vào hội đồng thành phố Sài Gòn trong những năm 1933-1935, lợi dụng diễn đàn công khai để tuyên truyền cổ động quần chúng. Trên báo chí hợp pháp, một số đảng viên còn tiến hành một cuộc đấu tranh sôi nổi về quan điểm triết học và quan điểm nghệ thuật.

Đầu năm 1934, theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Ban Chỉ huy ở ngoài của

Đảng cộng sản Đông Dương được thành lập, hoạt động như một ban chấp

hành trung ương lâm thời, tập hợp các cơ sở đảng mới xây dựng lại trong nước thành hệ thống, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, chuẩn bị triệu tập đại hội Đảng.

Nhờ sự nỗ lực của cán bộ, đảng viên, đến cuối năm 1934 đầu năm 1935 hệ thống tổ chức của Đảng trong nước được khôi phục. Đó là cơ sở để tiến tới Đại hội lần thứ nhất của Đảng.

Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng (3-1935)

Theo quyết định của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng, tháng 3-1935 Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), về dự Đại hội có 13 đại biểu cho các tổ chức Đảng trong nước và ngoài nước. Đại hội đề ra ba nhiệm vụ trước mắt: 1- Củng cố và phát triển Đảng, 2- Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng, 3- Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô, thành trì của cách mạng thế giới và ủng hộ cách mạng Trung Quốc... Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động quần chúng. Đại hội bầu Ban chấp hành Trung ương mới của Đảng gồm 9 uỷ viên chính thức và 4 uỷ viên dự khuyết, trong đó có Lê Hồng Phong, Đinh Thanh, Võ Nguyên Hiến, Nguyễn Ái Quốc, Ngô Tuân, Hoàng Đình Giông..., do Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư.

Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng đánh dấu sự phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, chuẩn bị điều kiện để bước vào thời kỳ đấu tranh mới. Song "chính sách của Đại hội Ma Cao vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước lúc bấy giờ"¹, chưa thấy được nguy cơ của chủ nghĩa phát xít trên thế giới và khả năng mới của cuộc đấu tranh chống phát xít và chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình, nên đã không đề ra được một chủ trương chính sách phù hợp với tình hình mới. Thiểu sót này được khắc phục tại các hội nghị về sau của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

2. Phong trào dân chủ (1936-1939)

**Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng*

Hậu quả trầm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và tình trạng tiêu điều tiếp theo làm cho mâu thuẫn trong các nước tư bản phát triển gay gắt, dẫn đến phong trào đấu tranh của quần chúng dâng cao.

Trong khi một số nước (như Anh, Pháp, Mỹ) chủ trương dùng những cải cách ôn hòa để khôi phục kinh tế và ổn định chính trị, thì giai cấp tư sản một số nước khác (như

Đức, Italia, Tây Ban Nha...) lại chủ trương dùng bạo lực để đàn

áp phong trào đấu tranh trong nước và chuẩn bị phát động một cuộc chiến tranh thế giới mới. Từ trong khuynh hướng bạo lực, chủ nghĩa phát xít xuất hiện và thắng thế ở một số nơi. Nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hoà bình và an ninh quốc tế.

Trước tình hình đó, Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản họp tại Mát-xcơ-va (7-1935) dưới sự chủ trì của G. Đê-mi-tơ-rốp. Đại hội xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chưa phải là đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, mà là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh bảo vệ dân chủ và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ cấp bách đó, giai cấp công nhân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và ngăn chặn chiến tranh thế giới.

Trong thời gian này, các đảng cộng sản ra sức phấn đấu lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống chủ nghĩa phát xít. Đặc biệt, Mặt trận nhân dân Pháp chống phát xít thành lập từ tháng 5-1935 do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, đã giành được thắng lợi vang dội trong cuộc tổng tuyển cử năm 1936, dẫn đến sự ra đời của Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp, tạo ra không khí chính trị thuận lợi cho cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân các nước trong hệ thống thuộc địa Pháp.

Ở Việt Nam, hậu quả kéo dài của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã tác động sâu sắc đến đời sống của mọi tầng lớp xã hội. Trong khi đó, những người cầm quyền phản động Pháp ở Đông Dương ra sức khủng bố quần chúng, làm cho bầu không khí chính trị và kinh tế hết sức ngột ngạt. Mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ. Đảng Cộng sản Đông Dương đã phục hồi sau một thời gian đấu tranh cực kỳ gian khổ, kịp thời lãnh đạo nhân dân bước vào một phong trào mới.

Tháng 7-1936 Ban chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ hai tại Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Đông Dương là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình; "lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ"¹. Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật, không

hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp.

Cùng với việc đề ra chủ trương mới để lãnh đạo nhân dân thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi, đấu tranh đòi các quyền dân chủ, dân sinh, Ban chấp hành Trung ương Đảng đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và điền địa trong cách mạng ở Đông Dương. Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* công bố tháng 10-1936, Đảng nêu một quan điểm mới: "*Cuộc dân tộc giải phóng không nhất thiết phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng*". "*Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng*"¹. Đó là nhận thức mới, phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, bước đầu khắc phục hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930.

Mặt trận nhân dân phản đế do Đảng đề ra là cuộc liên hiệp các giai cấp trong các dân tộc ở Đông Dương đấu tranh đòi quyền lợi hàng ngày, chống lại chế độ thuộc địa vô nhân đạo của thực dân Pháp, chuẩn bị điều kiện cho cuộc vận động dân tộc phát triển. Đảng cần phải phân đấu là "*đảng của dân chúng bị áp bức, đội tiên phong cho cuộc dân tộc giải phóng*"².

Các Hội nghị lần thứ ba (3-1937) và lần thứ tư (9-1937) Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đi sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định phải chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

**Phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình*

Đầu năm 1937, nhân dịp phái viên của chính phủ Pháp là Gô-đa (Godard) đi kinh lý Đông Dương và tiếp đó là Borêviê (Brévié) sang nhận chức Toàn quyền Đông Dương, Đảng vận động hai cuộc biểu dương lực lượng quần chúng rộng lớn dưới danh nghĩa "đón rước", mít tinh, biểu tình, đưa đơn "dân nguyện". Cùng với việc lãnh đạo các cuộc đấu tranh về kinh tế, chính trị. Đảng chú trọng đẩy mạnh tuyên truyền, cổ động, nhất là trên lĩnh vực báo chí công khai. Lợi dụng khả năng xuất bản hợp

pháp lúc đó, các báo chí tiếng Việt và tiếng Pháp của Đảng, Mặt trận Dân chủ Đông Dương và các đoàn thể quần chúng ra đời. Theo sáng kiến của Đảng, *Hội truyền bá quốc ngữ* ra đời. Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia. Các hình thức tổ chức cũng phát triển rộng rãi, bao gồm các hội tương tế, hội ái hữu.

Trên cơ sở phong trào quần chúng, trong những năm 1937-1938, Đảng còn lợi dụng khả năng hợp pháp để tổ chức tham gia các cuộc tranh cử vào các Viện dân biểu Bắc kỳ, Viện dân biểu Trung kỳ, Hội đồng quản hạt Nam kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939), chính phủ Pháp nghiêng hẳn về phái hữu. Ở Đông Dương, thực dân phản động Pháp đàn áp phong trào dân chủ. Khả năng hoạt động hợp pháp công khai không còn nữa. Đảng rút vào hoạt động bí mật. Cuộc vận động dân chủ kết thúc.

Cuộc vận động dân chủ của Đảng cộng sản Đông Dương thực sự là một cuộc đấu tranh cách mạng sôi nổi, có tính quần chúng rộng rãi nhằm thực hiện mục tiêu trước mắt là chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. "Những yêu sách đó tự nó không phải là mục đích cuối cùng, rằng bằng cái cách không thể nào thay đổi một cách căn bản trật tự xã hội cũ, rằng chỉ có cuối cùng đứng lên đập tan bằng bạo lực nền thống trị của đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân thì mới đạt mục đích cách mạng"¹. Song muốn đi đến mục đích cuối cùng, cách mạng phải vượt qua nhiều chặng đường quanh co, từ thấp đến cao, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Qua cuộc vận động dân chủ, uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và nâng cao trong quần chúng. Tổ chức Đảng được củng cố và phát triển. Số đảng viên của Đảng ngày càng thêm đông. Đến tháng 4-1938 toàn Đảng có 1597 đảng viên hoạt động bí mật và hơn 200 đảng viên hoạt động công khai. Số hội viên trong các tổ chức quần chúng công nhân, nông dân, phụ nữ, học sinh, cứu tế là 35.009 người¹. Đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người được Đảng tập hợp, giác ngộ và rèn luyện với nhiều hình thức khác nhau.

Cao trào dân chủ 1936-1939 là một bước chuẩn bị lực lượng cho Cách mạng tháng Tám năm 1945. Qua cao trào đó, Đảng đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ đông đảo, dày dạn trong đấu tranh, trưởng thành về mọi mặt và tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm

mới:

3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945

**Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng*

Tháng 9-1939 Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ngày 1-9-1939 phát xít Đức tiến công Ba Lan, hai ngày sau Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Phát xít Đức lần lượt chiếm các nước châu Âu. Đế quốc Pháp vào vòng chiến. Lợi dụng tình hình chiến tranh, chính phủ Đaladiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ. Đảng Cộng sản Pháp bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Ngày 4-1-1940 Toàn quyền Đông Dương Catoru (George Catroux) tuyên bố: "Chúng ta đánh toàn diện và mau chóng vào các tổ chức cộng sản; trong cuộc đấu tranh này, phải tiêu diệt cộng sản thì Đông Dương mới được yên ổn và trung thành với nước Pháp. Chúng ta không có quyền không thắng". Bộ máy đàn áp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28-9-1939 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, cấm lưu hành, tàng trữ tài liệu cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật giải tán các hội ái hữu, nghiệp đoàn và tịch thu tài sản của các tổ chức đó, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người.

Tháng 9-1940, phát xít Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh "một cổ hai tròng".

Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ, Đảng kịp thời rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, đồng thời vẫn chú trọng các đô thị. Ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng gửi toàn Đảng một thông báo quan trọng chỉ rõ: "Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng"¹.

Tháng 11-1939, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định). Tham dự hội nghị có Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần... Hội nghị nhận định: trong điều kiện lịch sử mới, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu. "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập". Khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất" phải tạm gác và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc

chia cho dân cày nghèo.

Ngày 27-9-1940, nhân khi quân Pháp ở Lạng Sơn bị Nhật tiến đánh phải rút chạy qua đường Bắc Sơn -Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương nổi dậy khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu ly Bắc Sơn. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Cuộc khởi nghĩa thức tỉnh đồng bào cả nước và đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân từ hình thức đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Ở Nam kỳ, phong trào cách mạng của quần chúng lan rộng ở nhiều nơi. Theo chủ trương của Xứ ủy Nam kỳ, một kế hoạch khởi nghĩa vũ trang được gấp rút chuẩn bị. Tháng 11 năm 1940, Hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành Trung ương Đảng họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Tham dự Hội nghị có Trường Chinh, Phan Đăng Lưu, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh... Hội nghị khẳng định nhiệm vụ trước mắt của Đảng là chuẩn bị lãnh đạo cuộc "vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập".

Hội nghị quyết định duy trì và củng cố lực lượng vũ trang ở Bắc Sơn và đình chỉ chủ trương phát động khởi nghĩa ở Nam kỳ. Đề kiến toàn cơ quan lãnh đạo của Đảng, hội nghị cử Ban chấp hành Trung ương lâm thời do Trường Chinh làm Quyền Bí thư.

Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc đình chỉ thực hiện kế hoạch khởi nghĩa ở Nam Kỳ chưa được triển khai thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đêm ngày 23-11-1940. Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bót và tiến công nhiều quận lỵ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở một số địa phương và ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, mở các phiên tòa để xét xử phản cách mạng... Cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp đàn áp đẫm máu, làm cho lực lượng cách mạng Nam kỳ bị tổn thất nặng nề và gặp khó khăn trong nhiều năm sau.

Tháng 5-1941, với tư cách đại diện Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng. Dự hội nghị có Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Phùng Chí Kiên, Hoàng Quốc Việt, cùng một số đại biểu của xứ ủy Bắc Kỳ, Trung kỳ và tổ chức đảng hoạt động ở ngoài nước. "Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, lập mặt trận Việt Minh, khẩu hiệu chính là : Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập ; hoãn cách mạng ruộng đất".

Hội nghị nêu rõ ở Việt Nam mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp

bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp- Nhật. Nghị quyết Hội nghị khẳng định: "Cần phải thay đổi chiến lược. Sự thay đổi về kinh tế, chính trị Đông Dương, lực lượng giai cấp Đông Dương, buộc Đảng ta phải thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho hợp với nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân Đông Dương...". "Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phân đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp "dân tộc giải phóng"³. Hội nghị tiếp tục đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày" thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

Căn cứ vào hoàn cảnh mới của thế giới và Đông Dương, Hội nghị chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, cốt làm sao để thức tỉnh tinh thần dân tộc ở các nước Đông Dương. Trên tinh thần đó, hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng: Việt Nam độc lập đồng minh, Ai Lao độc lập đồng minh và Cao-miên độc lập đồng minh. Trên cơ sở sự ra đời mặt trận ở mỗi nước, sẽ tiến tới thành lập mặt trận chung của ba nước là Đông Dương độc lập đồng minh. Hội nghị nhấn mạnh, Đảng phải hết sức tôn trọng và thi hành đúng chính sách "dân tộc tự quyết" đối với các dân tộc ở Đông Dương. Sau khi đánh đuổi Pháp-Nhật thì "các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ tùy ý theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý". "Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng". Riêng đối với Việt Nam, Hội nghị chủ trương sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ.

Hội nghị quyết định phải xúc tiến ngay công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và của nhân dân trong giai đoạn hiện tại. Để đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi, cần phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng và hình thức tổ chức thích hợp, tiến hành xây dựng căn cứ địa. Nghị quyết hội nghị ghi rõ: "Phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù..." . Trong những hoàn cảnh nhất định "với lực lượng sẵn có ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn".

Hội nghị đặc biệt coi trọng đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo

của Đảng, đẩy mạnh vận động quần chúng. Hội nghị cử ra Ban chấp hành Trung ương chính thức do Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc được vạch ra từ Hội nghị tháng 11-1939; khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930; khẳng định lại lý luận dân tộc cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và những quan điểm đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

**Phong trào chống Pháp - Nhật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang*

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến như vũ bão về phía Béclin. Ở Tây Âu, Anh - Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp và tiến về phía Tây nước Đức. Công nhân Paris nổi dậy, nước Pháp được giải phóng, chính phủ Đờ Gôn về Paris.

Ở mặt trận Thái Bình Dương, quân Anh đánh lùi Nhật ở Miên Điện. Quân Mỹ đổ bộ lên Philippin. Đường biển đến các căn cứ ở Đông Nam Á của Nhật bị quân Đồng minh khống chế. Nhật phải giữ con đường duy nhất nối liền từ Mãn Châu qua Đông Dương xuống Đông Nam Á. Thực dân Pháp theo phái Đờ Gôn ở Đông Dương hoạt động ráo riết, chuẩn bị đón thời cơ khi quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật thì sẽ khôi phục lại quyền thống trị của Pháp trên bán đảo này. *“Cả hai quân thù Nhật - Pháp đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mà chết, quyết liệt cùng nhau”*.

Ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương. Quân Pháp chống cự rất yếu ớt và nhanh chóng đầu hàng. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một loạt chính sách nhằm củng cố quyền thống trị ở Đông Dương.

Dự đoán đúng tình hình Nhật sắp lật Pháp ở Đông Dương, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), ngay trước lúc Nhật nổ súng. Ngày 12-3-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *“Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*. Bản chỉ thị nhận định rằng cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực

sự chín muồi. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi (chính trị khủng hoảng do cuộc đảo chính gây ra, nạn đói ghê gớm và chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt).

Chi thị xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phát xít Nhật vì vậy phải thay khẩu hiệu “*đánh đuổi phát xít Nhật-Pháp*” bằng khẩu hiệu “*đánh đuổi phát xít Nhật*”, đồng thời nêu khẩu hiệu “*thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương*” để chống lại chính phủ thân Nhật.

Chi thị quyết định *phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, đồng thời sẵn sàng chuyển lên tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện.*

Chi thị cũng dự kiến những hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa, đồng thời chỉ rõ, dù sao nhân dân Việt Nam vẫn không được ỷ lại vào người và tự bó tay mình trong khi tình thế biến chuyển thuận lợi, mà phải nêu cao tinh thần dựa vào sức mình là chính.

Bản chỉ thị ngày 12-3-1945 thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, phong phú về nội dung và hình thức.

Phong trào đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần nổ ra ở vùng thượng du và trung du Bắc kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang...

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức *Ủy ban giải phóng Việt Nam.*

Giữa lúc cao trào kháng Nhật cứu nước đang cuộn cuộn dâng lên, ngày 15-5-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hoà (Bắc Giang), do Trường Chinh chủ trì. Hội nghị nhận định: tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này; phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ. Hội nghị chủ trương thống nhất các lực lượng vũ

trang sẵn có thành *Việt Nam giải phóng quân*, xây dựng các chiến khu trong cả nước, phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang và nửa vũ trang, mở trường đào tạo cán bộ quân sự và chính trị.

Tháng 5-1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang), chỉ thị gấp rút chuẩn bị đại hội quốc dân, thành lập “khu giải phóng”. Ngày 4-6-1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập. Khu giải phóng trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

Các cuộc nổi dậy của quần chúng và các cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang diễn ra liên tiếp. Chính quyền cách mạng ở nhiều địa phương lần lượt ra đời. Nhiều chiến khu mới được xây dựng như chiến khu Văn - Hiến Lương ở vùng giáp giới hai tỉnh Phú Thọ và Yên Bái, chiến khu Đông Triều (Quảng Yên), chiến khu Hoà - Ninh - Thanh, chiến khu Vĩnh Tuy và Đầu Rái (Quảng Ngãi)...

Ở nhiều thị xã, thành phố, các đội danh dự Việt Minh đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, làm tăng thêm tinh thần cách mạng của quần chúng.

Giữa lúc phong trào đang phát triển mạnh ở cả nông thôn và thành thị, nạn đói diễn ra nghiêm trọng ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Xuất phát từ lợi ích sống còn trước mắt của quần chúng, Đảng kịp thời đề ra khẩu hiệu “*phá kho thóc, giải quyết nạn đói*”. Chủ trương đó đáp ứng đúng nguyện vọng cấp bách của quần chúng. Trong một thời gian ngắn, Đảng đã động viên được hàng triệu quần chúng tiến lên trận tuyến cách mạng, “*thổi bùng ngọn lửa căm thù trong đông đảo nhân dân và phát động quần chúng vùng dậy với khí thế cách mạng hùng hực tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền*”.

Cao trào kháng Nhật cứu nước không những động viên được đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức... mà còn lôi kéo cả tư sản dân tộc và một số địa chủ nhỏ. Binh lính, cảnh sát của chính quyền thân Nhật dao động, một số ngả theo cách mạng. Nhiều lý trưởng, chánh, phó tổng, tri phủ, tri huyện và cả một số tỉnh trưởng cũng tìm cách liên lạc với Việt Minh... Bộ máy chính quyền Nhật nhiều nơi tê liệt.

Các tổ chức cứu quốc, các đội tự vệ cứu quốc được thành lập ở nhiều thôn xóm, phố phường. Quần chúng nô nức tự vũ trang. Không khí sửa soạn khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

4. Củng cố, tổng kết

Nhắc lại những kiến thức trọng tâm của bài học

- Chủ trương đấu tranh từ năm 1936 đến năm 1939
- Tình hình thế giới và trong nước, cũng như nội dung và ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

5. Giao nhiệm vụ

- Ôn lại bài cũ
- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:

Câu 1. Hoàn cảnh nước ta cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ảnh hưởng tới sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam?

Câu 3. Phân tích quy luật ra đời của ĐCSVN. Sự khác nhau giữa quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với quy luật ra đời của ĐCS nói chung?

Câu 4. Vì sao nói sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử? Ý nghĩa của việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam?

Câu 5: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

1 tiết lý thuyết+2 tiết thảo luận

Chương 1 (tiếp)

Thảo luận phần I, chương 1,

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ Sv nắm được diễn biến của cách mạng tháng Tám/1945,
+ Sv thấy được tính chất, ý nghĩa và bài học của CMT8/1945
+ SV hiểu được hoàn cảnh ra đời ĐCSVN, nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

+ SV hiểu được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

+ SV hiểu được quy luật ra đời ĐCSV, thấy được sự khác biệt trong quy luật của ĐCSVN với các ĐCS khác trên thế giới.

- Kỹ năng:

+ Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội.

+ Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; có kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội.

- Thái độ:

+ Thấy được đây là bài học lịch sử vô giá về xác định đường lối và chỉ đạo đường lối, sv phải biết trân trọng và phát huy trong điều kiện mới

+ Tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng .

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu khoa học, tự rèn luyện bản thân về đạo đức và trình độ chuyên môn.

2. Chuẩn bị

- **Giảng viên:** phương tiện dạy học, giáo án, sách bài tập, giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên,...

- **Sinh viên:** giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập, máy tính để trình chiếu slide khi thuyết trình.

3. Nội dung bài giảng

Nội dung	Hình thức học
N1: NỘI DUNG SV PHẢI BIẾT 3. Phong trào cách mạng 1939-1945 <i>* Tổng khởi nghĩa giành chính quyền</i>	GV giảng
N2: NỘI DUNG SV NÊN BIẾT II4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám, 1945	SV tự nghiên cứu
N3: NỘI DUNG SV CÓ THỂ BIẾT - Đặc trưng của cách mạng dân tộc dân chủ trên thế giới và ở Việt Nam	SV đọc tài liệu tham khảo

Nội dung chi tiết bài giảng

1 tiết lý thuyết

3. Phong trào cách mạng 1939-1945

** Tổng khởi nghĩa giành chính quyền*

Giữa tháng 8-1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết. Sau khi phát xít Đức đầu hàng Đồng minh, Liên Xô tuyên chiến với Nhật, đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Hirôshima và Nagasaki. Chính phủ Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương mất hể tinh thần. Chính quyền do Nhật dựng lên hoang mang cực độ. Kẻ thù của dân tộc Việt Nam gục ngã. Tình thế cách mạng trực tiếp xuất hiện. Tuy nhiên quân đội các nước đế quốc với danh nghĩa Đồng minh chuẩn bị vào Đông Dương tước vũ khí quân Nhật. Với bản chất đế quốc, họ có thể dựng ra một chính quyền trái với ý chí và nguyện vọng của dân tộc Việt Nam. Thế lực chống cách mạng ở trong nước cũng tìm cách thay thầy đổi chủ. Vì thế vấn đề giành chính quyền được đặt ra như một cuộc chạy đua nước rút với quân Đồng minh mà Đảng và nhân dân Việt Nam không thể chậm trễ. Trước tình thế vô cùng khẩn cấp và thuận lợi đó, Đảng kịp thời quyết định tổng khởi nghĩa.

Ngày 12-8-1945 Ủy ban lâm thời khu giải phóng hạ lệnh khởi nghĩa trong khu. Ngay 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, phát đi lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Ngày 14 và 15-8-1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, quyết định phát động tổng khởi nghĩa, giành lấy chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Khẩu hiệu đấu tranh

lúc này là: *Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!* Ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa là *tập trung, thống nhất và kịp thời*. Phương hướng hành động trong tổng khởi nghĩa: phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh. Phải chộp lấy những căn cứ chính (cả ở các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào, thành lập *ủy ban nhân dân* ở những nơi đã giành được quyền làm chủ...

Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại cần thi hành sau khi giành được chính quyền. Về đối nội, sẽ lấy 10 chính sách của lớn Việt Minh làm chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng. Về đối ngoại, thực hiện nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, thêm bạn bớt thù, triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp - Anh và Mỹ - Trung Hoa dân quốc, hết sức tránh trường hợp một mình phải đối phó với nhiều kẻ thù trong một lúc; phải tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, của nhân dân các nước trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp và nhân dân Trung Quốc.

Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!”¹.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước nhất tề vùng dậy, với ý chí dù có hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập.

Từ ngày 14-8-1945 trở đi, các đơn vị Giải phóng quân lần lượt tiến công các đồn Nhật trong các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái v.v... hỗ trợ quần chúng tiến lên giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Ngày 16- 8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. Từ ngày 14 đến ngày 18-8 ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng đã nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện. Ngày 18 tháng 8 nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam đã giành được chính quyền ở tỉnh lỵ.

Tại Hà Nội, ngày 17-8 Tổng hội viên chức còn tổ chức một cuộc mít tinh lớn ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim. Biết trước ý đồ đó, Đảng bộ Hà Nội bí mật huy động quần chúng trong các tổ chức cứu quốc ở nội và ngoại thành, chủ yếu là công nhân,

thanh niên và tự vệ cứu quốc để biến cuộc mít tinh đó thành cuộc mít tinh ủng hộ Việt Minh. Các đội viên tuyên truyền xung phong từ trong đám đông bắt giương cờ đỏ sao vàng, làm chủ diễn đàn cuộc mít tinh, đá đảo chính quyền thân Nhật, kêu gọi nhân dân ủng hộ Việt Minh, hăng hái tham gia khởi nghĩa. Hàng vạn quần chúng dự mít tinh nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Minh. Lính bảo an, cảnh sát của chính quyền Nhật có nhiệm vụ bảo vệ cuộc mít tinh cũng ngã theo Việt Minh. Cuộc mít tinh biến thành một cuộc biểu tình tuần hành, có cờ đỏ sao vàng dẫn đầu, rầm rộ đi qua các phố đông người, tiến đến trước phủ toàn quyền cũ, nơi tư lệnh quân Nhật đóng, rồi chia thành từng toán nhỏ, đi cổ động chương trình Việt Minh khắp các phố.

Sau cuộc biểu dương lực lượng, Thành ủy Hà Nội nhận định đã có đủ điều kiện để có thể phát động tổng khởi nghĩa. Sáng ngày 19-8, Thủ đô Hà Nội tràn ngập cờ đỏ sao vàng. Quần chúng cách mạng xuống đường tập hợp thành đội ngũ, rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố để dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh. Cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình vũ trang. Quần chúng cách mạng chia thành nhiều đoàn đi chiếm phủ khâm sai, tòa thị chính, trại bảo an binh, sở cảnh sát và các công sở của chính quyền thân Nhật. Binh lính đứng về phía cách mạng. Trước khí thế áp đảo của quần chúng, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội tê liệt, không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội ngày 19-8 vang dội nhanh chóng đến nhiều tỉnh và thành phố khác, làm cho chính quyền tay sai của Nhật ở nhiều nơi thêm hoảng hốt, tạo điều kiện thuận lợi lớn cho quá trình tổng khởi nghĩa đang tiếp diễn trong cả nước.

Tiếp sau cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội là cuộc khởi nghĩa ở Huế. Ngày 23-8, ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên-Huế huy động quần chúng nông dân từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với công nhân, nhân dân lao động, thanh niên và các tầng lớp khác trong nội thành xuống đường biểu dương lực lượng. Bộ máy chính quyền và quân đội Nhật hoàn toàn tê liệt. Quần chúng lần lượt chiếm các công sở không vấp phải sức kháng cự nào.

Ở Nam kỳ, được tin Hà Nội và Tân An (tỉnh khởi nghĩa thí điểm của Xứ ủy) đã giành được chính quyền, Xứ ủy Nam kỳ quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh. Đêm ngày 24-8 các lực lượng khởi nghĩa của công nhân, nông dân, thanh niên với gậy

tâm vòng, giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25-8, hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở quan trọng. Quân Nhật hoàn toàn tê liệt, không dám kháng cự. Bọn phản cách mạng ở sở mật thám Catina chống cự yếu ớt, nhưng bị đè bẹp. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Thắng lợi của khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và các đô thị khác đập tan các cơ quan đầu não của kẻ thù có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng trong phạm vi cả nước.

Nhờ có sự chuẩn bị lực lượng chu đáo, lại nổ ra đúng thời cơ nên Cách mạng tháng Tám đã giành được thắng lợi nhanh, gọn, ít đổ máu. Chỉ trong khoảng 15 ngày (từ 14 đến 28-8) cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền cả nước về tay nhân dân.

Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc

giải phóng Việt Nam tự cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một chính phủ thể hiện chính sách đoàn kết rộng rãi của Đảng đối với các tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước, các nhân sĩ tiến bộ... Nhiều ủy viên Việt Minh tự nguyện rút khỏi Chính phủ, tạo điều kiện để mời thêm nhiều nhân sĩ ngoài Việt Minh tham gia. "Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân".

Ngày 30-8-1945, một cuộc mít tinh gồm hàng vạn người tham gia ở Ngọ Môn, thành phố Huế, chứng kiến Bảo Đại đọc lời thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 2-9-1945, Lễ độc lập được tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, trình trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Bản tuyên ngôn nêu rõ:

"Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do".

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy"².

Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực

tiền sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám, 1945

**Tính chất*

Cách mạng tháng Tám mang tính chất là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mang tính chất dân chủ mới. Cách mạng tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Mục đích của cách mạng làm cho Việt Nam được giải phóng khỏi ách đế quốc, nước ta giành được độc lập, tự do.

**Ý nghĩa*

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử tiến hóa của dân tộc Việt Nam, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do.

Về mặt quốc tế, Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã chọc thủng một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã không gì cứu vãn nổi của chủ nghĩa thực dân cũ, góp phần lớn lao vào sự nghiệp giải trừ chủ nghĩa thực dân và giải phóng dân tộc trên thế giới.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám không chỉ là một chiến công lịch sử Việt Nam, mà còn là chiến công chung của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập tự do, vì thế nó có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Cách mạng tháng Tám là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh. Nó chứng tỏ rằng: một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa. Cuộc cách mạng đó quan hệ mật thiết với cách mạng vô sản ở "chính quốc", nhưng không lệ thuộc vào cách mạng ở "chính quốc". Trái lại, nó có thể giành được thắng lợi trước khi giai cấp công nhân "chính quốc" lên nắm chính quyền.

**Kinh nghiệm*

Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược, phải nắm vững phương pháp biện chứng duy vật, phân tích khách quan mâu thuẫn chủ yếu và mối quan hệ của các giai cấp trong xã hội Việt Nam thuộc địa với đế quốc thực dân và tay sai phản động, xác định đúng nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai là nhiệm vụ hàng đầu, nhằm tập trung lực lượng để thực hiện

cho kỳ được yêu cầu bức thiết của cách mạng là giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Thứ hai, về xây dựng lực lượng, cần đánh giá đúng thái độ chính trị và biết tập hợp, tổ chức lực lượng của dân tộc, trong đó công nông là đội quân chủ lực. Đạo quân đó được dày công xây dựng qua ba cao trào cách mạng và trở nên hùng hậu trong cuộc tổng khởi nghĩa năm 1945. Trên cơ sở khối liên minh công nông, Đảng khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù của dân tộc để tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chúng.

Thứ ba, về phương pháp cách mạng, phải nắm vững và phát triển sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng và phương thức khởi nghĩa vũ trang vào cách mạng giải phóng dân tộc, ra sức xây dựng lực lượng chính trị quần chúng, đến khi tình hình cho phép thì tiến lên từng bước xây dựng lực lượng vũ trang; kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và xây dựng căn cứ địa cách mạng; tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị.

Thứ tư, về xây dựng Đảng, cần xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành, vận dụng và phát triển lý luận Mác – Lênin về cách mạng thuộc địa, đề ra đường lối chính trị đúng đắn, phương pháp cách mạng khoa học; một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng; một đảng có bản lĩnh cách mạng và ý chí chiến đấu cao, luôn chủ động trong đấu tranh, kiên quyết và táo bạo trong hoạt động.

2 tiết thảo luận

1. Phương pháp:

- Chia nhóm, thảo luận nhóm, SV tích cực đóng góp ý kiến, tranh luận để làm rõ vấn đề.
- Chia làm 4 nhóm, các nhóm chuẩn bị, đại diện nhóm thuyết trình.
- Các nhóm khác nhận xét và đặt câu hỏi, lớp thảo luận
- Giáo viên nhận xét, chốt lại nội dung vấn đề thảo luận

2. Gợi ý trả lời câu hỏi thảo luận

Câu 1. Hoàn cảnh nước ta cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ảnh hưởng tới sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam?

- Bối cảnh nước ta sau khi thực dân Pháp xâm lược: kinh tế, chính trị, văn hoá-xã hội

- Yêu cầu thành lập Đảng đặt ra trước sự xuất hiện của các nhóm cộng sản cuối những năm 20 của thế kỷ XX

Câu 2. Phân tích quy luật ra đời của ĐCSVN. Sự khác nhau giữa quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với quy luật ra đời của ĐCS nói chung?

- Quy luật ra đời của ĐCSVN: Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước (phân tích 3 yếu tố này).

- Sự khác nhau giữa quy luật ra đời của ĐCSVN với quy luật ra đời của ĐCS nói chung: Ở Việt Nam thêm phong trào yêu nước. Vì sao?

Câu 3. Vì sao nói sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử? Ý nghĩa của việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam?

- Khái quát hoàn cảnh lịch sử dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 4: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- Sự chuẩn bị của Nguyễn Ái Quốc về chính trị, tư tưởng, tổ chức

- Sự chủ động, nhạy bén của Nguyễn Ái Quốc trong việc chủ động chủ trì Hội nghị hợp nhất các nhóm cộng sản.

4. Cũng cố, tổng kết

- Nhắc lại những kiến thức trọng tâm

- Tổng kết, nhận xét, đánh giá phần thảo luận của SV

5. Giao nhiệm vụ

- Ôn lại bài cũ

- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận phần II, Chương 1

- Ôn tập chương 1 để kiểm tra 1 tiết.

2 tiết thảo luận + 1 tiết kiểm tra

Nội dung thảo luận thuộc phần II, chương I

1. Mục tiêu

- **Kiến thức:**

+ SV hiểu và so sánh được những điểm giống và khác nhau trong nội dung Cương lĩnh chính trị tháng 2/1930 và Luận cương chính trị Tháng 10/1930

+ SV thấy được sự chủ động, linh hoạt của Đảng trong đường lối đấu tranh giai đoạn 1936-1939

+ SV hiểu được đường lối đấu tranh giành chính quyền 1939 – 1945

- Kỹ năng:

+ SV có kỹ năng làm việc nhóm.

+ SV thực hiện các hoạt động cần thiết để xây dựng và phát triển đất nước.

- Thái độ:

+ SV tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tự giác và tích cực trong các hoạt động thực hiện chủ trương của Đảng, xây dựng đất nước.

2. Phương pháp:

- Chia nhóm, thảo luận nhóm, SV tích cực đóng góp ý kiến, tranh luận để làm rõ vấn đề.

3. Gợi ý trả lời câu hỏi thảo luận

Câu 1.

- Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 1939-1945 dựa trên yêu cầu lịch sử nào?

+ Trình bày khái quát hoàn cảnh lịch sử giai đoạn 1939-1945

+ Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng thông qua trong Hội nghị 6,7,8 của Đảng 1939,1940,1941?

Câu 2.

- Nội dung của cao trào kháng Nhật, khởi nghĩa từng phần?

- Vai trò của khởi nghĩa từng phần trước nhiệm vụ chuẩn bị điều kiện cho Tổng khởi nghĩa?

Câu 3.

- Hoàn cảnh nước ta sau cách mạng tháng Tám

- Nội dung chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Đảng

- Ý nghĩa của chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”

Câu 4.

- Hoàn cảnh nước ta cuối năm 1944 đầu năm 1945

- Nội dung xác định kẻ thù chính và dự kiến điều kiện Tổng khởi nghĩa của bản chỉ thị.

- Ý nghĩa của nội dung xác định kẻ thù chính và dự kiến điều kiện Tổng khởi nghĩa của bản chỉ thị.

4. Củng cố, tổng kết

- Nhắc lại những kiến thức trọng tâm

- Tổng kết, nhận xét, đánh giá phần thảo luận của SV

5. Giao nhiệm vụ

- Ôn lại bài cũ

- Đọc trước nội dung chương II

1 tiết kiểm tra

3 tiết lý thuyết

- Tên bài giảng:

CHƯƠNG II: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

1. Mục tiêu

*** Về kiến thức**

- Sinh viên hiểu được quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946.

- Sinh viên hiểu được đường lối của Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện 1946-1950.

- Sinh viên hiểu được quá trình Đảng lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn quốc đến thắng lợi 1951-1954.

- Sinh viên hiểu được ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ.

*** Về kỹ năng**

+ Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, hình thành phương pháp học tập khoa học.

+ Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; có kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội.

*** Về thái độ**

- + Tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng .
- + Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu khoa học, tự rèn luyện bản thân về đạo đức và trình độ chuyên môn.

2. Chuẩn bị

- **Giảng viên:** phương tiện dạy học, giáo án, sách bài tập, giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên,...

- **Sinh viên:** giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập,...

3. Nội dung bài giảng

Nội dung	Hình thức học
<p>N1: NỘI DUNG SV PHẢI BIẾT</p> <p>Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p> <p>I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945 – 1954.</p> <p>1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946.</p> <p>2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện 1946-1950.</p> <p>3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954.</p> <p>4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ.</p>	GV giảng
<p>N2: NỘI DUNG SV NÊN BIẾT</p> <p>- Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950</p>	SV tự nghiên cứu
<p>N3: NỘI DUNG SV CẦN BIẾT</p> <p>- Toàn văn <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i> của Chủ tịch Hồ Chí Minh.</p>	SV đọc tài liệu tham khảo

Nội dung chi tiết bài giảng

CHƯƠNG II: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

I. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC 1945 – 1954.

1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946

a. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám

* Thuận lợi:

+ Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu đã được hình thành. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có nhiều điều kiện phát triển, trở thành một dòng thác cách mạng.

+ Ở trong nước, chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh của đất nước. Lực lượng vũ trang nhân dân được tăng cường. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

* Khó khăn:

+ Hậu quả do chế độ cũ để lại như nạn đói, nạn dốt rất nặng nề, ngân quỹ quốc gia trống rỗng. Nền độc lập của quốc gia ta chưa được quốc gia nào trên thế giới công nhận.

+ Với danh nghĩa đồng minh đến tước khí giới của phát xít Nhật, quân đội các nước đế quốc ồ ạt kéo vào chiếm đóng nước ta và khuyến khích bọn Việt gian chống phá chính quyền cách mạng nhằm xoá bỏ nền độc lập và chia cắt nước ta.

b. Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

Ngày 25/11/1945, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra *Chỉ thị kháng chiến kiến quốc*.

Nội dung cơ bản của Chỉ thị:

- Về *chỉ đạo chiến lược*, Đảng xác định mục tiêu phải nêu cao của CMVN lúc này vẫn là dân tộc giải phóng, khẩu hiệu lúc này là “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”.

- Về *xác định kẻ thù*, Đảng chỉ rõ “kẻ thù chính của chúng ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”. Vì vậy, phải “lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược”

- Về phương hướng, nhiệm vụ, Đảng nêu lên bốn nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách cần khẩn trương thực hiện là: “củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”.

- Về ngoại giao, Đảng chủ trương kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa - Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp.

* Ý nghĩa:

+ Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược, chỉ ra những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng, nhất là nêu rõ hai nhiệm vụ chiến lược mới của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám là xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước.

+ Đề ra những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về đối nội, đối ngoại để khắc phục nạn đói, nạn dốt, chống thù trong giặc ngoài bảo vệ chính quyền cách mạng.

c. Tổ chức thực hiện:

- Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói được xác định là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên, tập hợp lôi kéo đông đảo nhất mọi tầng lớp nhân dân tham gia với các phong trào lớn: Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; lập hũ gạo tiết kiệm và phát động các cuộc vận động lớn trong toàn quốc: Tuần lễ vàng, Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến... Nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ bị xóa bỏ, thực hiện chính sách giảm tô 25%; ngân quỹ quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam... Nhờ đó đầu năm 1946 nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ.

- Chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt, coi đó là một “giải pháp quan trọng” để xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng và phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Đảng chủ trương phát động phong trào “Bình dân học vụ” toàn dân học chữ quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn dốt; vận động toàn dân xây dựng đời sống mới, nền văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ cản trở tiến bộ.

- Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng: Với tinh thần làm chủ và khẳng định Việt Nam là một quốc gia độc lập có quyền làm chủ, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tiến hành cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu và quyết định chạy

đưa với thời gian để tổ chức cuộc Tổng tuyển cử trong toàn quốc bầu ra Quốc hội và thành lập Chính phủ chính thức; Tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn Ủy ban hành chính các cấp; Thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp năm 1946).

d. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ

Ngày 25-10-1945, Hội nghị cán bộ Đảng bộ Nam bộ đã họp tại Thiên Hộ, Cái Bè (Mỹ Tho) quyết định những biện pháp cấp bách củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang bí mật trong nội đô; tổ chức và phát động toàn dân kháng chiến, kiên quyết đẩy lùi cuộc tấn công của quân Pháp, ngăn chặn bước tiến của chúng.

Để bảo toàn chính quyền cách mạng, làm thất bại âm mưu thâm độc của quân Tưởng “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh”, Đảng chủ trương tránh mọi âm mưu khiêu khích của quân Tưởng và thực hiện sách lược hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc với quân Tưởng ở miền Bắc. Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật, bằng việc tuyên bố tự giải tán và thành lập Hội những người nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương (11-1945); về quân sự Quân đội quốc gia Việt Nam được đổi thành Vệ quốc đoàn (9-1945); Chính phủ Việt Nam nhân nhượng đồng ý đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân đội Trung Hoa dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật khi ở Việt Nam và nhân nhượng cho phép quân Tưởng được sử dụng và lưu hành đồng tiền Quan kim cùng với đồng bạc Đông Dương ở phía Bắc Việt Nam.

2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện 1946-1950

a. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng

** Hoàn cảnh lịch sử*

- Tháng 11-1946, quân Pháp mở cuộc tấn công chiếm đóng cả thành phố Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn, đổ bộ lên Đà Nẵng và gây nhiều cuộc khiêu khích, tàn sát đồng bào ta ở Hà Nội. Pháp gửi tối hậu thư đòi ta tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, kiểm soát an ninh trật tự ở thủ đô.

- Trong thời điểm lịch sử đó, Đảng ta đã quyết định hạ quyết tâm phát động cuộc kháng chiến trong cả nước và chủ động tiến công trước khi thực dân Pháp thực hiện màn kịch đảo chính quân sự ở Hà Nội.

Vào lúc 22 giờ ngày 19/12/1946, tất cả các chiến trường trong cả nước đồng loạt nổ súng.

Những thuận lợi và khó khăn của nhân dân ta khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:

- *Thuận lợi*: Đây là cuộc kháng chiến chính nghĩa, có “ thiên thời, địa lợi, nhân hoà”, có sự chuẩn bị về mọi mặt, trong khi thực dân Pháp có nhiều khó khăn về chính trị, kinh tế, quân sự ở trong nước và Đông Dương.

- *Khó khăn*: Tương quan lực lượng quân sự không có lợi cho ta. Nước ta bị bao vây bốn phía, chưa được nước nào giúp đỡ và công nhận nền độc lập.

* *Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến*

Đường lối kháng chiến của Đảng được hình thành từng bước qua thực tiễn đối phó với âm mưu, thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp.

Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, đường lối toàn quốc kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh và được tập trung trong ba văn kiện lớn:

Toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng (12/12/1946).

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh (19/12/1946)

Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh năm 1947.

+ *Nội dung đường lối*:

- *Mục đích kháng chiến*: Kê tục và phát triển sự nghiệp Cách mạng Tháng Tám, “Đánh phá động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập”.

- *Tính chất kháng chiến*: đây là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa, tiến bộ vì tự do, độc lập, dân chủ, hoà bình. Nó có tính chất toàn dân, toàn diện, lâu dài; tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

- *Chính sách kháng chiến*: “Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp. Đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình. Đoàn kết chặt chẽ toàn dân, thực hiện tự cấp, tự túc về mọi mặt”.

- *Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến*: “Đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí... động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến. Tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc...”.

- *Phương châm tiến hành kháng chiến*: Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

Kháng chiến toàn dân: là đem toàn bộ sức dân, động viên toàn dân, đoàn kết toàn dân tham gia cuộc kháng chiến “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo

đài, mỗi phổ là một mặt trận”. Trong đó quân đội và các lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Kháng chiến toàn diện: là kháng chiến trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ đánh địch bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa tư tưởng trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò tiên phong, mang tính quyết định. Phải động viên, phát huy cho được mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân để phục vụ kháng chiến.

Kháng chiến lâu dài (trường kỳ): là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong bối cảnh so sánh lực lượng ban đầu giữa ta và địch quá chênh lệch, không cân sức. Vì vậy ta cần phải có thời gian vật chất để chuyển hóa lực lượng nhỏ thành lớn, yếu thành mạnh. Đây là một quy luật cơ bản của cuộc chiến tranh nhân dân lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ đánh lớn trong lịch sử chiến tranh của dân tộc Việt Nam. Kháng chiến lâu dài nhưng không phải là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước tiến nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng. Đây là bước đánh dấu sự hình thành và phát triển tư duy quân sự mới và nghệ thuật chiến tranh nhân dân của Đảng ta.

Dựa vào sức mình là chính: Đây là sự kế thừa tư tưởng chiến lược trong chỉ đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta nổ ra trong điều kiện quốc tế bất lợi, phe đế quốc chủ nghĩa hung hăng hiếu chiến; Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc. Vì vậy con đường duy nhất đúng đắn lúc bấy giờ là phải tự lập, tự cường, tự cấp, tự túc về mọi mặt; phải dựa vào nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn mạnh vật chất, tinh thần vốn có trong nhân dân làm sức mạnh, chỗ dựa chủ yếu của cuộc chiến tranh, làm cơ sở để sử dụng và phát huy ngoại lực khi có điều kiện. Trong đó tự lực, độc lập về đường lối, chủ trương kháng chiến là yêu tố quan trọng hàng đầu; phát huy tinh thần bất khuất, lòng yêu nước thiết tha, ý thức dân tộc tự cường, tự quyết của nhân dân Việt Nam là quyết định.

- *Triển vọng kháng chiến*: Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn, song nhất định thắng lợi.

* Ý nghĩa:

- Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản như trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về

chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ.

- Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang.

b. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Trung ương Đảng quyết định chia cả nước thành các khu và sau này thành các chiến khu quân sự để phục vụ yêu cầu chỉ đạo cuộc kháng chiến. Các Ủy ban kháng chiến hành chính được thành lập; các tổ chức chính trị, xã hội được củng cố nhằm tăng cường đoàn kết, tập hợp đông đảo nhất mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến.

Ngày 6-4-1947, BCH TƯ Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương, nhấn mạnh việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, củng cố chính quyền nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh công tác ngoại giao và tăng cường công tác xây dựng Đảng. Các lực lượng vũ trang nhân dân được chăm lo củng cố, xây dựng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác đảng, công tác chính trị, công tác chính qui hóa được từng bước thực hiện trong quân đội. Đến giữa năm 1947, bộ đội phát triển lên hơn 12 vạn quân được biên chế thành 57 trung đoàn và 20 tiểu đoàn độc lập; toàn quân có khoảng hơn 20 xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí thô sơ. Tuy nhiên, việc trang bị của bộ đội chủ lực còn rất thiếu thốn chỉ có khoảng 3 vạn khẩu súng. Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy là cơ quan lãnh đạo quân sự cao nhất của Đảng lúc bấy giờ. Lực lượng công an được thống nhất tổ chức trong toàn quốc và hoạt động cả trong vùng địch hậu và vùng tự do; Nha công an Việt Nam (sau đổi thành Nha Công an Trung ương) được thành lập thay cho Việt Nam Công an vụ nằm trong Bộ Nội vụ và các Ty công an, Quận công an trong toàn quốc được thiết lập theo hệ thống dọc và có bước phát triển nhanh chóng đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ của cuộc kháng chiến.

Về kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp. Tìm hướng đi tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của lực lượng tiên bộ và nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến.

Về quân sự, Thu Đông 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân, gồm cả ba lực lượng lục quân, hải quân và không quân hình thành 3 mũi tiến công chính tiến lên vùng ATK Việt Bắc, trong đó có mũi thọc sâu, đột kích nhảy dù xuống trung tâm thị xã Bắc Kạn, hòng bắt gọn Chính phủ Hồ Chí Minh. Để thực hiện kế hoạch đó, ngày 7-10-1947 mũi tiến công đột kích bằng đường không của địch do tướng A. Sôvanhắc chỉ huy đã nhảy dù xuống Bắc Kạn. Các mũi khác tiến theo đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng; một mũi tiến theo đường sông Hồng lên sông Lô, sông Gâm tiến công vào ATK Tuyên Quang, kế hoạch của địch sẽ hội quân ở Đài Thị (Tuyên Quang) và càn quét, tàn phá các vùng ATK của ta ở Tuyên Quang - Thái Nguyên - Bắc Kạn. Để đối phó với cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc của giặc Pháp, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”. Chỉ thị nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta, vạch ra thế yếu của địch và đề ra các nhiệm vụ quân sự cho các chiến trường, trong đó chỉ rõ phải ra sức phát động mạnh mẽ cuộc chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ; chặt đứt giao thông, bao vây không cho địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau; tổ chức cuộc chiến tranh nhân dân đồng loạt đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của địch cả trên mặt trận đường bộ và đường sông. Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục (từ ngày 7-10 đến 21-12-1947) quân và dân ta đã chiến đấu vô cùng oanh liệt, thông minh, sáng tạo, anh dũng tuyệt vời, lần lượt bẻ gãy các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy hàng trăm xe cơ giới, tàu xuồng và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Bảo toàn tuyệt đối an toàn cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến; bộ đội chủ lực có bước trưởng thành quan trọng về cả lực lượng, về chiến thuật và kỹ thuật tác chiến; các lực lượng kháng chiến được tôi luyện và trưởng thành một bước trong thực tế chiến đấu. Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947 đã đánh bại hoàn toàn ảo vọng chiến tranh đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trong phe XHCN. Đầu 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, Triều Tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; ủng hộ, giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Năm 1949, Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta đã hơn hẳn địch, viện trợ của Trung Quốc cũng góp một phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ

đội. Lực lượng Công an được Đảng quan tâm chỉ đạo xây dựng theo đường lối Công an nhân dân và 6 lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tư cách người Công an cách mạng.

Trong vùng tạm bị chiếm, Đảng chỉ đạo tiếp tục phát triển mạnh chiến tranh du kích để “biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta”. Khi Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm cơ hội thay thế Pháp, Xứ ủy Nam Bộ đã chỉ đạo nhân dân đứng lên đấu tranh. Cuối năm 1948, đầu năm 1949, Trung ương Đảng chủ trương tăng cường phối hợp chiến đấu với quân, dân Lào và Trung Quốc. Trực tiếp đưa bộ đội tham gia hỗ trợ quân giải phóng Trung Quốc trong chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn ở khu vực biên giới Việt – Trung.

Tháng 6-1950, Ban Thường vụ trung ương Đảng quyết định mở một chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt – Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950), nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang mở rộng quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước XHCN, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển lên giai đoạn mới. Chiến thắng ở chiến dịch này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đảng tại thôn Chình, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Đại hội tiến hành trong bối cảnh Liên Xô lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, các nước XHCN ở châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH.

Tại Đại hội này, đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày bản báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam; Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày Báo cáo chính trị của đại hội. Đại hội nghe và thảo luận các báo cáo tham luận khác của đại biểu các ngành, giới, lĩnh vực công tác. Đại hội đã nhất trí tán thành Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày. Ra Nghị quyết tách Đảng Cộng sản Đông Dương thành ba Đảng cách mạng để lãnh đạo cuộc kháng chiến của ba dân tộc đi tới thắng lợi. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Báo cáo “Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội” do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày. Báo cáo đã trình bày nội dung cơ bản đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân:

- Tính chất xã hội: Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến.

- Đối tượng cách mạng: cách mạng Việt nam có hai đối tượng:

Đối tượng chính hiện nay là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ.

Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến phản động.

-Nhiệm vụ cách mạng:

Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc.

Xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng.

Phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành giải phóng dân tộc.

- Động lực của cách mạng: gồm “công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức”.

- Đặc điểm cách mạng: “Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân lao động làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng dân chủ tư sản lối mới tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa”.

- Triển vọng của cách mạng: “Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội”.

- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội: Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc.

Giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân.

Giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ, xen kẽ với nhau”.

- Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng: “Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân”. Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Chính sách của Đảng: Có 15 chính sách lớn nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây niềm mong cho chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

- Quan hệ quốc tế: Việt Nam đứng về phe hoà bình và dân chủ, phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới, của Trung Quốc, Liên Xô; thực hiện đoàn kết Việt - Trung - Xô và đoàn kết Việt - Miên - Lào.

Điều lệ mới của Đảng được Đại hội thông qua có 13 chương, 71 điều, trong đó xác định rõ mục đích, tôn chỉ của Đảng là phấn đấu “để phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên CNXH ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số Việt Nam”.

Đại hội bầu ra BCH Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh bầu lại làm Tổng bí thư. Đại hội II thành công là bước tiến mới về mọi mặt, là Đại hội “kháng chiến kiến quốc”, “thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam”. Tuy nhiên, Đại hội cũng có hạn chế, khuyết điểm về nhận thức là mắc vào tư tưởng “tả” khuynh, giáo điều, dập khuôn, máy móc, đưa cả lí luận Xtalin, tư tưởng Mao Trạch Đông vào làm “nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng”.

b. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến về mọi mặt

Để đối phó và làm thất bại Kế hoạch Đờ Lát Đờ Tátxinhi, Đảng chủ trương mở liên tiếp 3 chiến dịch tiến công quân sự có quy mô lớn đó là các chiến dịch mang biệt danh: Trần Hưng Đạo (12-1950), Hoàng Hoa Thám (3- 1951), Quang Trung (5-1951) đánh vào vùng chiếm đóng của địch ở một số địa bàn trung du và đồng bằng Bắc Bộ, nhằm tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện phát triển cuộc chiến tranh du kích vùng sau lưng địch. Tiếp đó, ta mở chiến dịch Hòa Bình (12-1951) đánh vào chỗ yếu của địch, phát huy lợi thế của ta và giành được thắng lợi to lớn. Thu đông 1952 Đảng chủ trương mở tiếp chiến dịch Tây Bắc nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một phần đất đai và nhân dân vùng Tây Bắc. Sau hơn 2 tháng chiến đấu quyết

liệt, gian khổ ta đã làm chủ vùng đất đai rộng lớn, địch chỉ còn đóng giữ được ở thị xã Lai châu và Nà Sản (Sơn la). Tháng 4-1953 phát huy thắng lợi của các chiến dịch quân sự trong nước, Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào (địa bàn 2 tỉnh Hòa Phăn và Xiêng Khoảng), giải phóng thêm một phần đất đai, giúp Chính phủ kháng chiến Lào xây dựng và mở rộng khu căn cứ địa, đồng thời phá thế bố trí chiến lược của thực dân Pháp ở Bắc Đông Dương.

Trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng, Chính phủ ra sức chăm lo phát triển lực lượng, củng cố và tăng cường sức mạnh của hậu phương kháng chiến. Từ năm 1952, Chính phủ phát động cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, động viên mọi tầng lớp công nhân, nông dân, cán bộ viên chức khắc phục khó khăn, hăng hái lao động, tăng gia sản xuất tự túc một phần lương thực, thực phẩm; bảo đảm đạn dược, thuốc men, quân trang quân dụng cung cấp cho bộ đội. Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, Đảng, Chính phủ quan tâm chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính, xây dựng ngành thương nghiệp, ngân hàng. Thực hiện từng bước chính sách ruộng đất, chính sách thuế nông nghiệp, chính sách giảm tô, giảm tức. Đặc biệt từ đầu năm 1953, Đảng và Nhà nước đề ra chủ trương và thông qua nhiều chính sách thực hiện triệt để giảm tô và bước đầu thí điểm cải cách ruộng đất thực hiện mục tiêu người cày có ruộng ở một số vùng nông thôn tự do.

c. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến

Sau thắng lợi của các chiến dịch quân sự lớn trên chiến trường, cuộc kháng chiến của quân và dân ta chuyển biến mạnh theo chiều hướng có lợi cho ta, bất lợi cho địch, đẩy địch vào tình thế khó khăn, ngày càng nguy khốn. Quân đội Pháp mắc kẹt trong mâu thuẫn giữa tập trung và chiếm giữ, giữa tiến công và phòng ngự, giữa bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ và bảo vệ vùng Thượng Lào... Nước Pháp lúng túng, bị động lệ thuộc ngày càng sâu vào viện trợ quân sự Mỹ; giới quân sự Pháp hung hăng, tuyệt vọng đang tìm mọi cố gắng đẩy mạnh chiến tranh hòng tìm một lối thoát trong danh dự.

Tháng 5-1953 được sự thỏa thuận, đồng tình và hối thúc của Mỹ, Chính phủ Pháp quyết định cử Đại tướng H.Nava đang đảm nhiệm chức vụ Tổng Tham mưu trưởng lục quân khối NATO sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị- quân sự mới lấy tên là Kế hoạch Nava và đã được Hội đồng Quốc phòng Pháp nhanh chóng thông qua. Kế hoạch Nava dự kiến thực hiện trong vòng 18 tháng với 2 bước cơ bản nhằm “chuyển bại thành

thắng”. Đây được coi là cố gắng cao nhất và cuối cùng của Pháp và Mỹ trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Với kế hoạch chiến lược này, trong quá trình thực hiện NaVa đã dần biến Điện Biên Phủ - một địa danh của vùng Tây Bắc Việt Nam thành một căn cứ quân sự mạnh nhất Đông Dương, là trung tâm điểm của kế hoạch NaVa và chấp nhận cuộc quyết chiến chiến lược với chủ lực Việt Minh ở địa bàn này.

Từ tháng 12-1953, chiến dịch Điện biên Phủ được ráo riết chuẩn bị. Cả nước, các vùng tự do, vùng mới giải phóng, vùng căn cứ du kích đồng bằng đều tập trung mọi nguồn lực, chuẩn bị tiếp tế, chi viện nhân tài vật lực cho mặt trận Điện Biên Phủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được”. Khẩu hiệu hành động: tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng ở Điện Biên Phủ.

Đến đầu năm 1954, với cố gắng cao nhất của Pháp và Mỹ, Điện Biên Phủ đã được xây dựng thành một “pháo đài khổng lồ bất khả xâm phạm”, với hệ thống công sự phòng ngự kiên cố theo kiểu hiện đại, trang bị nhiều phương tiện chiến tranh tiên tiến nhất lúc bấy giờ và đặc biệt trong lòng chảo Mường Thanh, Điện Biên Phủ, hình thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương được giới quân sự- chính trị Pháp - Mỹ coi là “cỗ máy để nghiền Việt Minh”.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị và chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quân đội ta đã tập trung 33 vạn quân với mọi nỗ lực cao nhất bao vây chặt Điện Biên Phủ. Để bảo đảm chắc thắng, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã quyết đoán kịp thời chuyển hướng phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”, “đánh chắc thắng”. Ngày 13/3/1954 quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu phía Bắc trung tâm Mường Thanh, mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra theo 3 đợt: đợt I từ ngày 13-3 đến 26-3 ta tấn công vào các vị trí địch ở phía Bắc và Đông Bắc trung tâm Mường Thanh; đợt II từ ngày 30-3 đến 28-4 tập trung tấn công địch tại các ngọn đồi phía Đông, trong đó có đồi A1- cứ điểm phòng ngự quan trọng nhất, mạnh nhất ở phía Đông Mường Thanh; đợt III diễn ra từ ngày 1-5 đến 7-5-1954 ta tập trung tấn công tiêu diệt các cứ điểm ở phía Đông, chuyển sang tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Vào hồi 17 giờ 30 phút, chiều 7-5-1954, Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hầm chỉ huy, bắt sống tướng Đờ Cátôri chỉ huy trưởng và toàn bộ Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm

Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, kiên cường, thông minh sáng tạo và vô cùng anh dũng, hy sinh vô bờ bến của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Chiến thắng vĩ đại “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” ở Điện Biên Phủ là chiến thắng của toàn dân tộc Việt Nam, của lòng yêu nước sâu sắc, ý chí và khát vọng độc lập tự do của nhân dân Việt Nam mà nòng cốt là lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Đánh dấu sự thất bại thảm hại của chủ nghĩa thực dân Pháp, của quân đội Pháp và hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, thực dân trong thế kỷ XX.

Hiệp định Giơnevơ được kí kết là một thắng lợi to lớn của cách mạng ba nước Đông Dương, phản ánh xu thế chung của tình hình quốc tế lúc bấy giờ. Đây là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và các dân tộc ở Đông Dương. Tuy chưa phản ánh đúng thực chất thực lực của ta trên chiến trường, nhưng việc ký Hiệp định được ghi nhận là sự kiện lịch sử đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của Đảng từ ngày 23-9-1945 đến 20-7-1954; lập lại nền hòa bình ở Đông Dương; mở ra trang lịch sử mới của dân tộc Việt Nam.

4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ

a. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến

- Đã bảo vệ và phát triển tốt nhất các thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; củng cố, phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; Mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến.

- Cuộc kháng chiến đã giành được thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam; Có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược có quy mô lớn của quân đội nhà nghề có tiềm lực quân sự và kinh tế hùng mạnh với các trang bị vũ khí, công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; Được điều hành bởi các nhà chính trị lão luyện, các tướng tá quân sự tài ba của Pháp – Mỹ. Lần đầu tiên trong lịch sử giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa nhỏ bé đã đánh thắng một cường quốc thực dân, nó cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo ra tiền đề về chính trị - xã hội vững chắc đưa miền Bắc phát triển mạnh mẽ, toàn diện, chỗ dựa vững chắc, hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam sau này và thực sự trở thành nhân tố quyết định nhất đối với công cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước sau này.

b. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

Một là, đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị - quân sự của cuộc kháng chiến.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chính đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận.

4. Củng cố, tổng kết

Nhắc lại những kiến thức trọng tâm của bài học

- Đảng lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946.

- Đường lối kháng chiến toàn quốc của Đảng và quá trình tổ chức thực hiện 1946-1950.

- Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954.

- Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ

5. Giao nhiệm vụ

- Ôn lại bài cũ

- Đọc trước nội dung phần II của chương II.

3 tiết lý thuyết

- Tên bài giảng:

CHƯƠNG II: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

1. Mục tiêu

* Về kiến thức

- Sinh viên hiểu được quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng hai miền Nam-Bắc 1954-1965.

- Sinh viên hiểu được quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975.

* Về kỹ năng

+ Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, hình thành phương pháp học tập khoa học.

+ Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; có kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội.

* Về thái độ

+ Tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng .

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu khoa học, tự rèn luyện bản thân về đạo đức và trình độ chuyên môn.

2. Chuẩn bị

- **Giảng viên:** phương tiện dạy học, giáo án, sách bài tập, giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên,...

- **Sinh viên:** giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập,...

3. Nội dung bài giảng

Nội dung	Hình thức học
N1: NỘI DUNG SV PHẢI BIẾT Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) II. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam-Bắc 1954-1965. 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975.	GV giảng

<p>N2: NỘI DUNG SV NÊN BIẾT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến dịch đường 9 Khe Sanh 1968. - Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 	<p>SV tự nghiên cứu</p>
<p>N3: NỘI DUNG SV CẦN BIẾT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thư chúc mừng năm mới (1/1/1969) của Chủ tịch Hồ Chí Minh. 	<p>SV đọc tài liệu tham khảo</p>

Nội dung chi tiết bài giảng

CHƯƠNG II: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

II. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam-Bắc 1954-1965

a. Khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960

** Miền Bắc:*

- Bối cảnh lịch sử:

+ Thuận lợi: Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh; Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh; Phong trào hoà bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản; Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa chung cho cả nước; Thế và lực của cách mạng nước ta đã lớn mạnh hơn sau 9 năm kháng chiến; Có ý chí độc lập, thống nhất Tổ quốc của nhân dân từ Bắc chí Nam.

+ Khó khăn: Đế quốc Mỹ âm mưu làm bá chủ thế giới và các chiến lược toàn cầu phản cách mạng; Thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai hệ thống TBCN và XHCN; Xuất hiện sự bất đồng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc; Đất nước ta bị chia làm hai miền, kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ và đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta.

- Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên CNXH: sau khi miền Bắc được giải phóng, Trung ương Đảng đã chủ trương chuyển miền Bắc sang giai đoạn mới với nhận thức: *sự kết thúc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa* như các cương lĩnh của Đảng đã xác định.

Tháng 9-1954, *Bộ Chính trị* đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường, chuẩn bị điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Hội nghị lần thứ bảy (tháng 3-1955) và *lần thứ tám* (tháng 8-1955) Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nhận định: Mỹ và tay sai đã hất cẳng Pháp ở miền Nam, công khai lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ, đàn áp phong trào cách mạng. Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Để củng cố miền Bắc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chỉ rõ, trước hết cần hoàn thành cải cách ruộng đất, chia ruộng đất cho nông dân, xóa bỏ chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ; đưa miền Bắc tiến dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội; kiện toàn bộ máy lãnh đạo các cấp và củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất.

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, ngay sau khi hoà bình được lập lại, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi đối phương phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng lịch trính quy định. Cuộc đấu tranh này đã diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp bởi thực dân Pháp và tay sai đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá, làm rối loạn xã hội và mất trật tự an ninh như kích động, thúc ép đồng bào theo đạo Thiên chúa di cư, phá hoại, di chuyển máy móc nguyên vật liệu trái phép vào Nam. Với chủ trương và sự chỉ đạo kiên quyết, khéo léo của Đảng, sự ủng hộ của nhân dân, kẻ địch đã phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng Hiệp định. Miền Bắc được giải phóng, song một số nội dung của cuộc cải cách dân tộc dân chủ nhân dân chưa hoàn thành. Vì vậy, nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và thực hiện khẩu hiệu “*Người cày có ruộng*” được Đảng chú trọng lãnh đạo ngay khi miền Bắc có hòa bình.

Công tác *giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất* được tiếp tục đẩy mạnh. Để đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải cách ruộng đất, Đảng chủ trương dựa hẳn vào bản cổ nông, đoàn kết với trung nông, đánh đổ giai cấp địa chủ, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia đều cho dân cày nghèo. Đến tháng 7-1956, cuộc cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành, chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc nước ta đến đây bị xóa

bỏ. Trong quá trình cải cách ruộng đất, bên cạnh những kết quả đạt được, ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài trong chỉ đạo thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sai lầm là chủ quan, giáo điều, không xuất phát từ tình hình thực tiễn, nhất là những thay đổi quan trọng về quan hệ giai cấp, xã hội ở nông thôn miền Bắc sau ngày được hoàn toàn giải phóng. Do đó, trong chỉ đạo, thực hiện cải cách ruộng đất, đã cường điệu hóa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, dẫn đến mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh; sử dụng hình thức, phương pháp không phù hợp với đối tượng là địa chủ ở nông thôn. Trong chính đôn tổ chức, đã nhận định sai về tình hình tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn, cho rằng về cơ bản đã bị địch lũng đoạn, từ đó dẫn đến xử lý oan sai nhiều cán bộ, đảng viên tốt. Sai lầm này đã gây ra một số tổn thất đối với Đảng và quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 9-1956) đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chính đôn tổ chức, công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên Trung ương Đảng. Công tác sửa sai trong các năm 1956-1957 đã được Đảng chỉ đạo, tiến hành một cách thành khẩn, kiên quyết, khẩn trương, thận trọng và có kế hoạch chặt chẽ, nên đã từng bước khắc phục được những sai lầm đã xảy ra.

Song song với cuộc cải cách ruộng đất, trong các năm 1955-1957, Đảng chủ trương thực hiện kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân.

Tháng 12-1957, *Hội nghị lần thứ mười ba* Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới, đưa miền Bắc chuyển sang thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. *Hội nghị lần thứ mười bốn* (11-1958) đã thông qua *kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa* đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960). Hội nghị chủ trương tiến hành cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, kinh tế tư bản tư doanh thành kinh tế xã hội chủ nghĩa bằng cách chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất sang sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể; củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Tháng 4-1959, *Hội nghị lần thứ mười sáu* Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp và Nghị quyết về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Kết quả chung là đến cuối năm 1960, miền Bắc đã hoàn thành cơ bản kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), kinh tế, văn hóa có sự phát triển mới. Miền Bắc đã xóa bỏ được chế độ bóc lột, hình thành quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, với hai hình thức sở hữu chủ yếu là quốc doanh và tập thể và hai giai cấp xã hội chính là công nhân và nông dân tập thể. Tuy vẫn còn một số hạn chế trong cải tạo xã hội chủ nghĩa (nóng vội chủ quan) và trong giải quyết một số vấn đề xã hội (nhân văn giai phẩm), song kết quả của ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa (1958 - 1960) đã tạo nên những chuyển biến cách mạng sâu rộng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc, chuẩn bị đưa miền Bắc tiến lên thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội (1961-1965).

Miền Bắc được củng cố, trở thành hậu phương ổn định, ngày càng vững mạnh đã động viên to lớn đối với phong trào cách mạng ở miền Nam (thông qua đường vận tải chiến lược trên bộ - 559 và trên biển - 579), hậu thuẫn tích cực cho đồng bào chiến sĩ miền Nam đứng lên “Đông khởi”, làm thất bại chiến lược “chiến tranh đơn phương” của đế quốc Mỹ và tay sai.

** Miền Nam:*

- Hoàn cảnh lịch sử mới

Ngay khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, với mưu đồ biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự, thuộc địa kiểu mới, tạo thành “con đê” ngăn chặn làn sóng chủ nghĩa cộng sản tràn xuống Đông Nam Á, làm bàn đạp tấn công ra miền Bắc, đánh phá phong trào giải phóng dân tộc, đế quốc Mỹ đã dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, tiến hành “trung cầu dân ý” ở miền Nam, dùng bạo lực phản cách mạng đàn áp, khủng bố dã man nhân dân yêu nước miền Nam. Những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ không được thực hiện, đất nước Việt Nam bị chia cắt, khiến cách mạng miền Nam bị tổn thất rất nặng nề. Trong lúc đó, những tác động phức tạp của tình hình quốc tế, đặc biệt là của những nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa, làm cho phong trào cách mạng, lực lượng cách mạng thế giới bị chia rẽ. Giới cầm quyền hiếu chiến Mỹ đã lợi dụng sự mâu thuẫn, chia rẽ đó để đẩy mạnh tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Dân tộc Việt Nam đứng trước thách thức nghiêm trọng, đòi hỏi phải có sự độc lập, tự chủ trong quá trình hoạch định đường lối của cách mạng Việt Nam.

Xu hướng chung của nhân dân thế giới lúc này là mong muốn giải quyết các cuộc chiến tranh, xung đột bằng thương lượng hòa bình, ngăn chặn sự bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ ba.

Các nước trong hệ thống XHCN thế giới, đặc biệt các nước lớn (Liên Xô, Trung Quốc) bắt đầu quan tâm về đường lối cách mạng và phương pháp tiến hành cách mạng.

Đất nước vừa ra khỏi cuộc chiến tranh kéo dài 9 năm, hậu quả chiến tranh rất nặng nề, kinh tế đình đốn, xuất phát điểm để xây dựng chủ nghĩa xã hội rất thấp. Lần đầu tiên Đảng phải lãnh đạo đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau ở hai miền Nam, Bắc nên chưa có kinh nghiệm thực tiễn.

Tình hình quốc tế và trong nước đã ảnh hưởng đến quá trình hình thành đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng.

- Quá trình hình thành và nội dung cơ bản đường lối cách mạng miền Nam

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (khóa II) họp từ ngày 15 đến 18-7-1954, Đảng chủ động nhận diện kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương là đế quốc Mỹ.

Nghị quyết Bộ Chính trị (9-1954) xác định nhiệm vụ của toàn Đảng là củng cố miền Bắc, đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở miền Nam.

Tháng 1-1956 và tháng 6-1956, Bộ Chính trị họp và chuẩn bị văn kiện: *Máy vấn đề về đường lối cách mạng Việt Nam*. Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 6- 1956 đã khẳng định một hướng mới: cách mạng miền Nam cần kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang tự vệ.

Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) tháng 12- 1957, xác định đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước.

Tại Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương (khóa II), tháng 11- 1958, đường lối cách mạng trong cả nước và của mỗi miền đã được hình thành một cách tổng quát.

Qua nghiên cứu, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh của nhân dân miền Nam và bản “Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam” do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ khởi thảo (8-1956), tháng 1-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp

hành Trung ương Đảng (khoá II) họp tại Hà Nội bàn về đường lối cách mạng miền Nam. Hội nghị họp kỳ thứ hai vào tháng 5-1959, thảo luận về chủ trương, đường lối và ra nghị quyết về cách mạng miền Nam. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng có vị trí và ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn. Những nội dung cơ bản của Nghị quyết đã phản ánh và đáp ứng đúng nhu cầu của lịch sử, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, thể hiện rõ bản lĩnh cách mạng độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng trong những thời điểm khó khăn của cuộc kháng chiến.

Cao trào Đồng khởi năm 1960 đã đập tan từng mảng lớn chính quyền cơ sở của địch ở nông thôn, đã làm phá sản một hình thức thống trị điển hình của chủ nghĩa thực dân mới mà đế quốc Mỹ dựng lên tại miền Nam Việt Nam, đưa cách mạng miền Nam vượt thoát ra khỏi thời kỳ khó khăn, tồn thất, phát triển lên chiến tranh cách mạng.

Với thắng lợi của phong trào "Đồng khởi", cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công và chứng tỏ đường lối cách mạng của Đảng thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 15 là đúng đắn. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập (20-12-1960) đánh dấu một bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.

b. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965

Đại hội lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10- 9- 1960. Dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết, thay mặt hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước. Gần 20 đoàn đại biểu quốc tế đến dự Đại hội. Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Hồ Chí Minh nêu rõ: "Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà"

Đại hội đã thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết về *Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới*, Báo cáo về *Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1961-1965)*.

Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: *Một là*, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. *Hai là*, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ

nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Về mục tiêu chiến lược chung, Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò *quyết định nhất* đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò *quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Về hòa bình thống nhất Tổ quốc, Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Về triển vọng của cách mạng, Đại hội nhận định cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư

bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận điểm đó, Đại hội đã đề ra đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước và lao động cần cù của nhân dân ta, tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tuy còn có hạn chế trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, song Đại hội lần thứ III của Đảng đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Đó là đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Đường lối *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* nói trên vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam, vừa phù hợp với tình hình quốc tế, nên đã phát huy và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc, do đó tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta có đủ sức mạnh tinh thần và vật chất đương đầu, tiến tới đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, “miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới”. Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh.

* *Miền Nam:*

Ngày 20-1-1961, J.Kennedy lên làm Tổng thống Hoa Kỳ, thông qua chiến lược toàn cầu mới của Mỹ với tên gọi "Phản ứng linh hoạt". Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là một bộ phận trong chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt". Với công thức cố vấn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng với tên gọi Kế hoạch Xtalây - Taylo; xương sống của kế hoạch này là quốc sách lập ấp chiến lược. Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa dự định lập 17.000 ấp chiến lược, thực hiện "tát nước, bắt cá", tách nhân dân ra khỏi lực lượng cách mạng, bình định nông thôn miền Nam.

Tháng 1-1961, Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng đã ra chỉ thị về "*Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*", quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng và chỉ rõ những nhiệm vụ cụ thể cho cách mạng miền Nam là phải tiêu hao, tiêu diệt lực lượng quân đội Sài Gòn và làm phá sản quốc sách lập ấp chiến lược của địch.

Tháng 12-1963, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 9, xác định những vấn đề quan trọng về đường lối cách mạng miền Nam và đường lối đoàn kết quốc tế của Đảng. Nghị quyết Trung ương lần thứ 9 đã xác định "đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp" thắng lợi trên chiến trường.

Tháng 3-1964, Trung ương Đảng triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt*, biểu thị khối đại đoàn kết và quyết tâm chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Với tinh thần chủ động, sáng tạo, sau hơn 4 năm (từ năm 1961 đến giữa năm 1965), lực lượng cách mạng đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ ở miền Nam. Ba trụ cột của chiến lược này là xây dựng chính quyền mạnh, xây dựng quân đội Việt Nam Cộng hòa mạnh và bình định nông thôn miền Nam đều không thực hiện được. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ (1-11-1963) đã gây nên tình hình rối loạn kéo dài trên chính trường miền Nam thời gian sau đó.

2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975

a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

Nhằm cứu vãn sự thất bại hoàn toàn của chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*" ở miền Nam, từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược "*Chiến tranh cục bộ*", ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam, đồng thời mở rộng cuộc chiến tranh

phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta, tạo ra tình hình cả nước Việt Nam có chiến tranh ở các mức độ khác nhau.

Để chống lại cuộc "*Chiến tranh cục bộ*" của Mỹ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp các *Hội nghị lần thứ mười một* (3-1965) và *lần thứ mười hai* (12-1965) quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi cả nước và đề ra đường lối cho cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới.

Mục tiêu chiến lược của cuộc kháng chiến là kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền, Đảng xác định: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là thành quả chung rất to lớn của nhân dân cả nước ta, là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt, nhất là về kinh tế và quốc phòng, nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam, đồng thời, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phát huy vai trò đắc lực của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau. Đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, thì bất kỳ chúng đặt chân ở đâu trên đất nước Việt Nam, mọi người Việt Nam đều có nghĩa vụ tiêu diệt chúng. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là "*Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*".

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc là: chuyên hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

Về tăng cường lực lượng quốc phòng là khẩn trương phát triển lực lượng cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; ra sức tăng cường công tác phòng thủ, đánh trả để bảo vệ miền Bắc.

Về chi viện cho miền Nam là cố gắng với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam. Đặc biệt chú trọng nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải.

Về công tác tư tưởng và tổ chức là kịp thời chuyển hướng mọi mặt cho phù hợp với tình hình mới.

Dưới ánh sáng của những nghị quyết của Đảng và theo Lời kêu gọi của *Hồ Chí Minh*, quân và dân miền Bắc đã đẩy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ.

Sau bốn năm vừa sản xuất vừa chiến đấu, miền Bắc đã đạt được những thành tích đáng tự hào trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, chi viện tiền tuyến.

Năm 1970, Đảng đã nêu lên quan điểm về bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội qua tác phẩm “*Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*” của đồng chí Lê Duẩn. Tiếp theo đó, Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1- 1971) nhấn mạnh: phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật và cách mạng tư tưởng, văn hoá); khẳng định thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là lâu dài phải trải qua nhiều bước quá độ nhỏ mà miền Bắc đang ở bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; kết hợp chặt chẽ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chấp hành các nghị quyết của Đảng, sau ba năm phấn đấu gian khổ, từ năm 1969 đến đầu năm 1972, tình hình khôi phục kinh tế và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều chuyển biến tốt đẹp trên các mặt: nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, lưu thông phân phối, văn hóa, giáo dục, quốc phòng. Nhìn chung, kinh tế miền Bắc đã cơ bản được khôi phục, đạt trở lại mức độ phát triển của năm 1965. Với tiềm lực mọi mặt của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa được tăng lên, sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến tăng lên mạnh mẽ, hỗ trợ đắc lực cho cách mạng miền Nam vượt qua khó khăn sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, đánh bại các cuộc hành quân của địch sang đất Campuchia (1970) và Nam Lào (1971).

Thắng lợi của quân dân cả nước đã buộc đế quốc Mỹ phải trở lại bàn đàm phán, ký kết *Hiệp định Paris* (ngày 27-1-1973), công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất của nước Việt Nam, chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, rút quân đội khỏi miền Nam. Từ năm 1973, sau khi *Hiệp định Paris* được ký kết, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền

Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng lực lượng mọi mặt, ra sức chi viện cho miền Nam.

4. Củng cố, tổng kết

Nhắc lại những kiến thức trọng tâm của bài học

- Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam-Bắc 1954-1965
- Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975.

5. Giao nhiệm vụ

- Ôn lại bài cũ
- Đọc trước nội dung tiếp theo trong phần II của chương II
- Chuẩn bị kiểm tra 1 tiết.

1 tiết lý thuyết + 1 tiết kiểm tra

- Tên bài giảng:

CHƯƠNG II: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

1. Mục tiêu

*** Về kiến thức**

- Sinh viên hiểu được ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kì 1954-1975.

*** Về kỹ năng**

+ Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, hình thành phương pháp học tập khoa học.
+ Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; có kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội.

*** Về thái độ**

+ Tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng .
+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu khoa học, tự rèn luyện bản thân về đạo đức và trình độ chuyên môn.

2. Chuẩn bị

- **Giảng viên:** phương tiện dạy học, giáo án, sách bài tập, giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên,...

- *Sinh viên*: giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập,...

3. Nội dung bài giảng

Nội dung	Hình thức học
<p>N1: NỘI DUNG SV PHẢI BIẾT</p> <p>Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p> <p>II. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)</p> <p>3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kì 1954-1975.</p>	GV giảng
<p>N2: NỘI DUNG SV NÊN BIẾT</p> <p>- Hạn chế của Đảng trong chỉ đạo thực tiễn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975</p>	SV tự nghiên cứu
<p>N3: NỘI DUNG SV CẦN BIẾT</p> <p>- Đánh giá của Đại hội IV về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975.</p>	SV đọc tài liệu tham khảo

Nội dung chi tiết bài giảng

CHƯƠNG II: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

II. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975

a. Ý nghĩa:

- Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, quét sạch quân xâm lược, giành lại nền độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.

- Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng

chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên CNXH; làm tăng thêm sức mạnh vật chất tinh thần, thể và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; nâng cao khí phách, niềm tự hào và để những kinh nghiệm quý cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

- Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc tiến công vào CNXH và cách mạng thế giới; đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm phá sản các chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và tác động đến nội tình nước Mỹ; làm suy yếu trận địa của CNĐQ, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

b. Kinh nghiệm

Một là, gương cao ngon cờ độc lập dân tộc và CNXH nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

Hai là, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.

Ba là, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn.

Bốn là, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

Hạn chế của Đảng trong chỉ đạo thực tiễn: có thời điểm đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch chưa thật đầy đủ và còn có những biểu hiện nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong xây dựng CNXH ở miền Bắc.

4. Củng cố, tổng kết

Nhắc lại những kiến thức trọng tâm của bài học

- Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975.

5. Giao nhiệm vụ

- Ôn lại bài cũ
- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:

Câu 1. Hãy phân tích chủ trương của Đảng để giải quyết tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” ở nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945?

Câu 2. Em nhớ nhất nội dung nào trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Nội dung đó nêu lên vấn đề gì của cuộc kháng chiến?

KIỂM TRA 1 TIẾT

2 tiết thảo luận

Nội dung thảo luận thuộc chương II.

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ SV hiểu được chủ trương của Đảng giải quyết tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” ở nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945.

+ SV hiểu được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp thể hiện trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Kỹ năng:

+ SV có kỹ năng làm việc nhóm.

+ SV thực hiện các hoạt động cần thiết để xây dựng và phát triển đất nước.

- Thái độ:

+ SV tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tự giác và tích cực trong các hoạt động thực hiện chủ trương của Đảng, xây dựng đất nước.

2. Phương pháp:

- Chia nhóm, thảo luận nhóm, SV tích cực đóng góp ý kiến, tranh luận để làm rõ vấn đề.

3. Gợi ý trả lời câu hỏi thảo luận

Câu 1.

- Hoàn cảnh nước ta sau cách mạng tháng Tám

- Nội dung chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Đảng

- Ý nghĩa của chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”

Câu 2.

- Hoàn cảnh nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

- Nghiên cứu toàn văn *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phân tích nội dung.

- Đánh giá ý nghĩa của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

4. Củng cố, tổng kết

- Nhắc lại những kiến thức trọng tâm

- Tổng kết, nhận xét, đánh giá phần thảo luận của SV

5. Giao nhiệm vụ

- Ôn lại bài cũ

- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:

Câu 1. Chứng minh rằng: “Đường lối chung của Đảng trong Đại hội III thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử”.

Câu 2. Phân tích đường lối của Đảng về tính chất của cuộc kháng chiến chống Pháp 1946-1950.

2 tiết thảo luận

Nội dung thảo luận thuộc chương II.

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ SV hiểu được tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử thể hiện trong Đại hội III.

+ SV hiểu được đường lối của Đảng về tính chất của cuộc kháng chiến chống Pháp 1946-1950.

- Kỹ năng:

+ SV có kỹ năng làm việc nhóm.

+ SV thực hiện các hoạt động cần thiết để xây dựng và phát triển đất nước.

- Thái độ:

+ SV tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tự giác và tích cực trong các hoạt động thực hiện chủ trương của Đảng, xây dựng đất nước.

2. Phương pháp:

- Chia nhóm, thảo luận nhóm, SV tích cực đóng góp ý kiến, tranh luận để làm rõ vấn đề.

3. Gợi ý trả lời câu hỏi thảo luận

Câu 1.

- Hoàn cảnh lịch sử diễn ra Đại hội III (1960)

- Nội dung đường lối của Đảng trong Đại hội III.

- Ý nghĩa của đường lối.

Câu 2.

- Điều kiện thuận lợi và khó khăn của cách mạng nước ta trước khi bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp 1946-1954.

- Đường lối của Đảng về tính chất của cuộc kháng chiến chống Pháp 1946-1950: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

- Đánh giá ý nghĩa của đường lối đó.

4. Củng cố, tổng kết

- Nhắc lại những kiến thức trọng tâm

- Tổng kết, nhận xét, đánh giá phần thảo luận của SV

5. Giao nhiệm vụ

- Ôn lại bài cũ

- Đọc trước nội dung chương III

3 tiết lý thuyết

CHƯƠNG III ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CNXH VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1975-2018)

(Tổng số tiết:12; Trong đó: 8LT;4 TL)

a. Xác định mục tiêu

-**Kiến thức:** Giúp SV nắm được đường lối, Cương lĩnh, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước năm 1975 đến nay.

- **Kỹ năng:** Rèn cho SV phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

-**Thái độ:** Củng cố niềm tin của SV vào thắng lợi của Đảng tổng lãnh đạo và đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018), củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

b. Chuẩn bị

GV: Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương môn học, lịch cá nhân, danh sách điểm danh, bảng ghi điểm, máy chiếu, phấn, bảng, microphone,...

SV: Sách giáo trình, vở ghi, bút dạ, tài liệu tham khảo (nếu có).

c. Nội dung giảng dạy chi tiết

NI: Nội dung SV phải biết

I. Lãnh đạo cả nước xây dựng cnxh và bảo vệ tổ quốc (1975-1981)

1. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

a. Hoàn cảnh lịch sử:

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, cách mạng Việt Nam có nhiều thuận lợi mới. Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang tiếp tục lớn mạnh; cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ; uy tín Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Ở trong nước, chiến tranh đã kết thúc, đất nước hòa bình thống nhất, bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; nguồn tài nguyên cả nước khá phong phú; nhân lực lao động dồi dào, nhân dân có truyền thống lao động cần cù, thông minh, sáng tạo, hăng hái đi lên chủ nghĩa xã hội; có một số cơ sở vật chất - kỹ thuật nhất định ở cả hai miền...

Tuy nhiên từ năm 1975, nước ta cũng đứng trước nhiều khó khăn lớn. Đó là hậu quả chiến tranh để lại trên cả hai miền hết sức nặng nề; nền kinh tế cả nước cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu; nguồn viện trợ của nước ngoài không còn đáng kể; bị Mỹ tiến hành bao vây cấm vận ngặt nghèo; phải đối phó với các cuộc chiến tranh biên giới và làm nhiệm vụ quốc tế; khoảng từ năm 1985 về sau, hệ thống xã hội chủ nghĩa đi vào khủng hoảng, tác động lớn, bất lợi đối với cách mạng Việt Nam...

Tình hình trên vừa tạo ra những cơ hội cho sự phát triển của đất nước, vừa đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân phải giải quyết nhiều vấn đề mới mẻ, phức tạp và khó khăn.

Đại thắng Mùa Xuân 1975 đã đưa lại sự thống nhất đất nước trên thực tế, song về mặt nhà nước, vẫn còn hai chính quyền song song tồn ở hai miền, đó là Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Nhà nước Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam.

- Đường lối của Đảng giai đoạn 1975-1981

*Nhiệm vụ chung: Thống nhất 2 miền đất nước về mặt nhà nước

+ Hội nghị 24 BCH TƯ Đảng khóa III(8/1975): Hội nghị chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH, miền Bắc tiếp tục hoàn thành sự nghiệp xây dựng CNXH và hoàn thiện QHSX XHCn, miền nam đồng thời tiến hành cải tạo xã hội và xây dựng CNXH

+27/10/1975 UBTW QH nước VNDCCH họp bàn chủ trương, biện pháp thống nhất nhà nước. Cử đoàn miền Bắc gồm 25 đồng chí do Trường Chinh dẫn đầu

+ Hội nghị hiệp thương chính trị giữa Đoàn đại biểu miền Bắc, do Trường Chinh

dẫn đầu và Đoàn đại biểu miền Nam do Phạm Hùng dẫn đầu, tại Sài Gòn từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975. Thông cáo của hội nghị khẳng định nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một; nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước; cần tổ chức cuộc Tổng tuyển cử trên toàn quốc theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín, bầu ra Quốc hội chung cho cả nước.

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị Về việc lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước và giao trách nhiệm cho các cấp uỷ lãnh đạo cuộc bầu cử. Ngày 25-4-1976, cử tri cả nước đã phấn khởi đi bỏ phiếu, đạt tỷ lệ 98,77% (miền Bắc 99,36%, miền Nam 98,39%).

+ Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (Quốc hội khoá VI) được tiến hành tại Hà Nội. Quốc hội đã quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài Tiến quân ca; Quốc huy mang dòng chữ "Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam"; Sài Gòn được mang tên Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước, Nguyễn Lương Bằng và Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước, Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội; Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đã thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Theo chủ trương của Đảng, các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị như Mặt trận, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ,... ở hai miền cũng đều được Đảng lãnh đạo thống nhất lại với nhau mang một tên gọi chung có từ cuối cùng là Việt Nam .

b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV và quá trình xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981

*** Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV**

-Thời gian: 14-20/12/1976

- Địa điểm: Hà Nội

-Thành phần: 1.008 đại biểu

-Nội dung:

+Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch năm năm lần thứ hai (1976 - 1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng. Các văn kiện của Đại hội đã *đánh giá, thắng lợi của cuộc kháng chiến*

chống Mỹ mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang sử chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX và để lại cho nhân dân ta nhiều bài học có giá trị to lớn.

Đại hội đã tập trung trí tuệ để đề ra *đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa*, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ba đặc điểm lớn của cả nước khi bước vào thời kỳ quá độ được Đại hội nhấn mạnh là: Nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của cuộc chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân gây ra; Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới vẫn diễn ra gay go, quyết liệt.

Đại hội xác định *đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa* trong giai đoạn mới ở nước ta là: “*Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư t- ướng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*”¹.

Về *đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa*, Đại hội nêu rõ phải: Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa

phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học - kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc.

Trên cơ sở đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, Đại hội đã xác định các nội dung về: *Phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980* là phát triển và cải tạo kinh tế, văn hoá, phát triển khoa học, kỹ thuật. Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới. Tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể, làm tốt công tác quần chúng. coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng. Nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội quyết định bổ sung Điều lệ Đảng, đặt chức danh Tổng Bí thư thay chức danh Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 101 ủy viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên chính thức, Ban Bí thư gồm 9 ủy viên, Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư.

- Ý nghĩa: *Đại hội lần IV* của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, con đường lịch sử mà Hồ Chí Minh đã chọn. Tuy nhiên, Đại hội lần thứ IV chưa tổng kết được kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; chưa nhấn mạnh việc bức thiết phải làm sau chiến tranh là khắc phục hậu quả chiến tranh; đặc biệt là chưa xác định được nội dung của chặng đường.

*** Quá trình xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981**

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng, BCH TƯ có nhiều chỉ đạo tập trung vào chỉ đạo phát triển nông nghiệp, công nghiệp, phân phối lưu thông:

+Về nông nghiệp: Hội nghị BCHTW lần thứ sáu (8-1979) – bước đột phá lần 1 chủ trương khắc phục sai lầm, khuyết điểm trong quản lý kinh tế: Quyết định (10/1979) về tận dụng đất đai nông nghiệp để khai khẩn được miễn thuế, Chỉ thị 100 (1/1981) về khoán sản phẩm đến người lao động.

+ Về công nghiệp: Quyết định 25 - CP Quyết định 25-CP (ngày 21-1-1981) Về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh. Quyết định 26-CP (ngày 21-1-1981) Về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước nhằm thúc đẩy ngu- ời lao động hăng hái sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập.

- Chống chiến tranh biên giới Tây Nam (1978) và Tây bắc (1979) để bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời làm thất bại âm mưu của các lực lượng phản động FULRO Tây Nguyên.

2. ĐHĐBTQ lần V và các bước đột phát tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986

a. ĐHĐBTQ lần V và quá trình thực hiện nghị quyết của Đảng

-Thời gian: 27-31/3/1982

- Địa điểm: Hà Nội

-Thành phần: 1.033đại biểu

-Nội dung:

Đại hội đã thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội trong 5 năm 1981-1985* (kế hoạch 5 năm lần thứ ba),... Đại hội đã kiểm điểm một cách toàn diện sự lãnh đạo của Đảng từ Đại hội lần thứ IV; đánh giá những thành tựu và khuyết điểm sai lầm, phân tích nguyên nhân của những thắng lợi và khó khăn của đất nước; những biến động của tình hình thế giới.

Đại hội coi đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội IV đề ra là cho cả thời kỳ quá độ nên tiếp tục thực hiện, song căn cứ vào thực tế 5 năm đã qua, quyết định bổ sung vào đường lối chung quan điểm coi xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược, hai nhiệm vụ đó có quan hệ mật thiết với nhau. Đại hội cũng bổ sung vào đường lối kinh tế quan điểm tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trên cơ sở phát triển nông nghiệp mà đẩy mạnh công nghiệp hóa.

Đại hội đã vạch ra chiến lược kinh tế - xã hội, các kế hoạch phát triển, các chủ trương, chính sách và biện pháp thực thi trong từng chặng đường. Chặng đường trước mắt bao gồm những năm 80. Những mục tiêu kinh tế và xã hội tổng quát cho những năm đó là: ổn định dần dần, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của

nhân dân; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu; hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước; đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự.

Đại hội đã thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hoá và xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại, nhiệm vụ nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

- Ý nghĩa: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V đã có những tm ị bước đi trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Song, Đại hội chưa thấy được sự cần thiết phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ, chưa xác định được những quan điểm cụ thể về kết hợp kế hoạch với thị trường, công tác quản lý lưu thông, phân phối vẫn một chiều do kế hoạch nhà nước quyết định, chưa có những chính sách, giải pháp cụ thể và đồng bộ để giải phóng các lực lượng sản xuất trong nông nghiệp.

b. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986

Bước đột phá mở đầu: Hội nghị Trung ương 6 khoá IV (8-1979) với chủ trương bằng mọi cách làm cho sản xuất "bung ra"; không còn xem kế hoạch hoá là hình thức duy nhất để phát triển kinh tế; đã khẳng định sự cần thiết phải kết hợp kế hoạch với thị trường,...

Bước đột phá thứ hai: Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985) với chủ trương dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế một giá; xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa,...

Bước đột phá thứ ba: Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8-1986 và cuối 1986) với "Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế":

- Về bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ; công nghiệp nặng được phát triển có chọn lọc;
- Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta;

-Về cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch làm trung tâm, nhưng đồng thời phải sử dụng đúng quan hệ hàng hoá, tiền tệ, dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung, bao cấp; chính sách giá phải vận dụng quy luật giá trị, tiến tới thực hiện cơ chế một giá,...

N2: Nội dung SV nên biết

- Ưu điểm và hạn chế của ĐH IV, V

- Ưu điểm và hạn chế của ĐH VI

N3: Nội dung SV có thể biết

Hoàn cảnh đất nước, tình thế của Việt Nam khi bước vào thời kỳ đổi mới đất nước.

Đổi mới hay là chết

d. Củng cố

-Nội dung đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa tại ĐH IV (1976)

- Nội dung đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong ĐH VI (12/1986)

e. Giao nhiệm vụ

Đọc tiếp các nội dung của chương 3 trong SGT

Thảo luận: 2 tiết

a. Xác định mục tiêu

-**Kiến thức:** Củng cố kiến thức cho SV về đường lối, Cương lĩnh, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước năm 1975 đến 1986

- **Kỹ năng:** Rèn cho SV phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

-**Thái độ:** Củng cố niềm tin của SV vào thắng lợi của Đảng tổng lãnh đạo và đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-1986), củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

b. Chuẩn bị

GV: Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương môn học, lịch cá nhân, danh sách điểm danh, bảng ghi điểm, máy chiếu, phấn, bảng, microphone,...

SV: Sách giáo trình, vở ghi, bút dạ, tài liệu tham khảo (nếu có).

c. Nội dung giảng dạy chi tiết

SV đọc các lại các nội dung lý thuyết trao đổi thảo luận 3 vấn đề sau:

1. Nội dung đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa tại ĐH IV (1976) và khái quát quá trình thực hiện của Đảng

2. Nội dung đường lối cách mạng ĐH V (1982) và khái quát quá trình thực hiện của Đảng

3. Nội dung đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong ĐH VI (12/1986) và khái quát quá trình thực hiện của Đảng

Phương pháp: GV chia lớp thành các nhóm và tiến hành thảo luận theo các vấn đề trên. GV chốt lại kiến thức.

3 tiết lý thuyết

Chương 3 (tiếp theo)

a. Xác định mục tiêu

-**Kiến thức:** Cung cố kiến thức cho SV về đường lối, Cương lĩnh, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước năm 1986 - 2006

- **Kỹ năng:** Rèn cho SV phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

-**Thái độ:** Cung cố niềm tin của SV vào thắng lợi của Đảng tổng lãnh đạo và đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1986 - 2006), củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

b. Chuẩn bị

GV: Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương môn học, lịch cá nhân, danh sách điểm danh, bảng ghi điểm, máy chiếu, phấn, bảng, microphone,...

SV: Sách giáo trình, vở ghi, bút dạ, tài liệu tham khảo (nếu có).

c. Nội dung giảng dạy chi tiết

N1: Nội dung SV phải biết

II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế (1986-2018)

1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996

a. ĐHĐBTQ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện

*** ĐHĐBTQ VI**

-Thời gian: 15-18/12/1986

- Địa điểm: Hà Nội

-Thành phần: 1.129 đại biểu

- Bối cảnh:

+Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai phát triển mạnh mẽ; xu thế hoà bình, đổi mới phát triển kinh tế ở nhiều nước trên thế giới. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu được tiến hành nhưng càng ngày càng lún sâu vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

+Trong nước: Khi đó, đất nước vẫn trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 1976-1980 chỉ đạt 1,6%, sản xuất trong nước không đủ tiêu dùng. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng khan hiếm; lạm phát tăng từ 300% năm 1985 lên tới 774% năm 1986. Trong xã hội xuất hiện nhiều tiêu cực, nhiều hiện tượng vi phạm pháp luật. Các thế lực thù địch tăng cường bao vây, cấm vận, kích động, lôi kéo người vượt biên trái phép... Yêu cầu đổi mới đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế- xã hội và phát triển đặt ra rất cấp thiết.

-Nội dung: ĐH thông qua đường lối đổi mới đất nước:

Đại hội, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật” đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo của Đảng giai đoạn 1975 - 1986, nguyên nhân của thực trạng đó và chỉ ra 4 bài học: Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ trọng tâm: -Về đổi mới kinh tế: 1. Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy ; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ; 2. Thực hiện cải tạo XHCN thường xuyên; 3.Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; trước hết là giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông; 4. Xây dựng và tổ chức một cách thiết thực có hiệu quả các chính sách xã hội. 5. Đảm bảo nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

- Đổi mới về chính sách xã hội: 1. Kế hoạch hóa dân số, 2. Thực hiện công bằng xã hội; 3. Đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, tăng cường sức khỏe cho nhân dân

- Đổi mới trên lĩnh vực đối ngoại: Nhằm góp phần góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

- Ý nghĩa: Đại hội VI của Đảng là Đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết để tiến lên. Đại hội có ý nghĩa lịch sử trọng đại, đánh dấu một bước ngoặt trong sự nghiệp quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mở ra thời kỳ phát triển mới cho cách mạng Việt Nam. Đại hội đã tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế- xã hội, thể hiện quan điểm đổi mới toàn diện đất nước, đặt nền tảng cho việc tìm ra con đường thích hợp đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

*** Lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới toàn diện**

- Bối cảnh lịch sử:

+ Công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng khủng hoảng chính trị, kinh tế, xã hội trầm trọng và cuối cùng sụp đổ (8-1991) gây tác động bất lợi nhiều mặt đối với tình hình thế giới và cách mạng Việt Nam.

+ Mỹ và các thế lực thù địch lấy cơ quân tình nguyện Việt Nam chưa rút hết khỏi Campuchia để tiếp tục cô lập Việt Nam.

+ Trung Quốc tiếp tục gây hấn ở biên giới phía Bắc

+ Ở trong nước, những năm 1987 - 1988 khủng hoảng kinh tế- xã hội vẫn diễn ra nghiêm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao, đời sống nhân dân rất khó khăn. Viện trợ và quan hệ kinh tế giữa Liên Xô và các nước Đông Âu với nước ta bị thu hẹp nhanh.

+ Các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội tăng. Đã xuất hiện sự dao động về tư tưởng chính trị, giảm sút niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa.

- Thực hiện nghị quyết ĐH VI và bổ sung đường lối đổi mới:

+ Hội nghị Trung ương 4 (12-1987) quyết định thực hiện mục tiêu bốn giảm: giảm tỷ lệ bội chi ngân sách; giảm nhịp độ tăng giá; giảm tốc độ lạm phát; giảm khó khăn về đời sống của nhân dân. Quốc hội khóa VIII thông qua Luật đầu tư nước ngoài (1-1988).

+ Tháng 4 năm 1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10/NQ Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, đề ra cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên ; đảm bảo cho người nhận khoán được canh tác trên diện tích theo quy mô thích hợp và ổn định trong 15 năm.

+Trong công nghiệp: Xóa bỏ chế độ tập trung, quan liêu bao cấp chuyên hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh XHCN

+Về cải tạo XHCN: Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của các thành phần kinh tế cá thể, bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật

+Hội nghị TƯ 6 (3/1989) dùng khái niệm *hệ thống chính trị, đề ra nội dung và xác định nguyên tắc chỉ đạo:*

Một là, đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn bằng quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp.

Hai là, chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đổi mới vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Ba là, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là tăng cường sức mạnh và hiệu lực của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Bốn là, sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Năm là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa. Song dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo phải trên cơ sở dân chủ; dân chủ với nhân dân, nhưng phải chuyên chính với kẻ địch.

Sáu là, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

+ Hội nghị Trung ương 8, khóa VI (3-1990) thông qua Nghị quyết về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta. Nghị quyết đánh giá tình hình, nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng chế độ chính trị ở Liên xô, tác động của sự khủng hoảng đó và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta.

+Về đổi mới quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Thực hiện chủ trương từng bước phá thế bao vây, cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại, từ tháng 5 năm 1988, chính phủ Việt Nam tuyên bố rút 5 vạn quân và Bộ tư lệnh quân tình nguyện về nước. Đảng, Nhà nước Việt Nam chủ trương xây dựng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước Đông Nam Á (ASEAN); tiến hành những bước đầu tiên giải quyết bất đồng, tiến tới bình thường hoá quan hệ Việt - Trung, quan hệ Việt - Mỹ. Việt Nam và Ủy ban Châu Âu (EU) thiết lập quan hệ ngoại giao (10-1990).

b. Đại hội đại biểu toàn quốc VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH

*** Đại hội đại biểu toàn quốc VII**

-Thời gian: 24-27/6/1991

- Địa điểm: Hà Nội

-Thành phần: 1.176 đại biểu

- Bối cảnh: Đại hội họp trong bối cảnh khủng hoảng, sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu tác động bất lợi đến cách mạng thế giới và Việt Nam. Các thế lực đế quốc và phản động, nhân đó tấn công quyết liệt của nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Ở trong nước, sau 4 năm thực hiện đường lối đổi mới, tình hình kinh tế- xã hội có những biến chuyển, song vẫn chưa thoát khỏi được khủng hoảng.

- Nội dung:

+ Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đánh giá tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam và nêu lên *năm bài học kinh nghiệm lớn* ; mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng gồm *sáu đặc trưng cơ bản*: Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Cương lĩnh vạch ra 7 *phương hướng* chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại; phát triển một nền nông nghiệp toàn diện. Thiết lập quan hệ sản xuất từ thấp đến cao, đa dạng về hình thức sở hữu và phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá. Thực hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cương lĩnh nêu lên quan điểm xây dựng hệ thống chính trị nước Việt Nam trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên, v.v...

+ Đại hội VII đã thông qua Chiến lược ổn và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000.

Mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là thoát ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế, xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP đến năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990.

Mục tiêu chiến lược: Phát triển kinh tế- xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và CNXH, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Mục tiêu và động lực chính: Sự phát triển vì con người, do con người và giải phóng sức sản xuất, khơi dậy tiềm năng của mỗi cá nhân.

Tổng kết bài học 5 năm đổi mới: 1. Giữ vững định hướng CNXH trong quá trình đổi mới; 2. đổi mới toàn diện, đồng bộ nhưng phải có bước đi, cách làm thích hợp; 3. Phát triển kinh tế nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò của nhà nước về kinh tế, xã hội; 4. Tiếp tục phát huy nền dân chủ XHCN nhưng phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc, thích hợp; 5. Dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề nảy sinh trên tinh thần kiên định đường lối đổi mới.

- Ý nghĩa: Đại hội VII của Đảng là "Đại hội của trí tuệ- đổi mới, dân chủ- kỷ cương - đoàn kết". Đại hội đã hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù

hợp với đặc điểm của Việt Nam và những giải pháp đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội. Thành công của Đại hội đã củng cố thêm niềm tin tưởng của nhân dân đối với công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo.

***Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VII (1991-1996)**

+ Các vấn đề về kinh tế

-Về nông nghiệp:

Hội nghị Trung ương 5 (6/1993) chủ trương nông thôn với ba mục tiêu chủ yếu là:

1. Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh có cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của nông dân; 2. Có hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội; 3. Tăng cường đoàn kết và ổn định chính trị, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Về công nghiệp: Hội nghị Trung ương 7 (7/1994) chủ trương phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Mục tiêu của CNH, HĐH là cải biến nước ta thành nước công nghiệp có cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hiện đại, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với LLSX.

+Các vấn đề về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng đảng

Hội nghị TƯ 3 (6/1992) đưa ra những quyết sách quan trọng, đúng đắn về củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, chỉnh đốn Đảng. - Hội nghị Trung ương 3 còn ra chủ trương tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính. Quốc hội ban hành Hiến pháp năm 1992. Chính phủ ra Nghị quyết 38/CP "Về cải cách hành chính" trong thời kỳ mới.

Kết quả

Qua 5 năm 1991-1995, Đảng đã lãnh đạo đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm năm. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội ; tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh. Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị. Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế. Tháng 11-1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ giữa hai Đảng, hai Nhà nước. Tháng

7-1995, Việt Nam và Hoa Kỳ đặt quan hệ ngoại giao và Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1996 - 2018)

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2001)

*** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng**

- Thời gian: 28/6-1/7/1996

- Địa điểm: Hà Nội

- Thành phần: 1.198 đại biểu

- Bối cảnh: Đại hội diễn ra trong bối cảnh Liên Xô tan rã và chủ nghĩa xã hội đi vào thoái trào. Cách mạng khoa học và công nghệ phát triển với trình độ ngày càng cao. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội, nhân dân ta giành được những thắng lợi ban đầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, phá thế bao vây, cô lập nhưng vẫn là nước nghèo, kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực cần phải giải quyết.

- Nội dung:

+ ĐH rút ra 6 bài học sau 10 năm đổi mới (1986-1996): *Một là*, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; *Hai là*, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. *Ba là*, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Bốn là*, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc. *Năm là*, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. *Sáu là*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

+ Đại hội xác định sáu quan điểm chỉ đạo công nghiệp hoá, hiện đại hoá là: 1. Giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại; 2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. 3. Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững; 4. Khoa học

và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ; kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

5. Lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn đầu tư và công nghệ; 6. Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

+Xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh CNXH, HDH đất nước là vấn đề có ý nghĩa quyết định hàng đầu.

- Ý nghĩa: Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân, vì tình hữu nghị và sự hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Đại hội có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh dân tộc và tương lai của đất nước vào lúc chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI.

***Bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh CNH, HDH (1996 - 2001)**

Sau Đại hội VIII, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta được đẩy mạnh. Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ xảy ra ở các nước trong khu vực Đông Nam Á và châu Á xuất hiện, lan rộng khu vực, tác động xấu đến nền kinh tế nước ta. Nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội nhưng còn những yếu tố chưa thật vững chắc. Trong toàn khóa VIII, BCH Trung ương, Bộ Chính trị đã họp và chỉ đạo và thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu sau:

- Về kinh tế: Coi kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để nâng cao hiệu quả cạnh tranh của nền kinh tế.

Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu là thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hợp tác hoá, dân chủ hoá. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính - tiền tệ; thực hành triệt để tiết kiệm. Tích cực giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế- xã hội.

- Đổi mới hệ thống chính trị:

+BCH Trung ương 3 (6/1997) chủ trương phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh với những phương hướng chủ yếu¹:

Một là, tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước, nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước.

Hai là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tụy, phục vụ nhân dân.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

+Hội nghị Trung ương 3 (6-1997) đưa ra Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Tiêu chuẩn của cán bộ là: Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối, của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ.

+ Hội nghị TW 6 lần 2 (2/1999) đề ra giải quyết một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay: Kiên trì đấu tranh đẩy lùi 4 nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước.

- Phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội

+ Hội nghị TW2 khoa VIII (12/1996) nhấn mạnh giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quan trọng quyết định sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. BCH Trung ương thông qua Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000

+Hội nghị TW 5 khóa VIII (7/1998) đã ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận. Xây dựng và phát triển văn

hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.

N2: Nội dung SV có thể biết

2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước (2001-2006)

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng

-Thời gian: 19-22/4/2001

- Địa điểm: Hà Nội

-Thành phần: 1.168 đại biểu

- Bối cảnh: Đại hội họp năm mở đầu của thế kỷ XXI, khi cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục có bước phát triển nhảy vọt, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức. Toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Mỹ lợi dụng công việc chống khủng bố, can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước. Khu vực Đông Nam Á, TBD phát triển mạnh mẽ nhưng có nhiều nguy cơ bất ổn

Việt Nam sau 15 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới thúc đẩy công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu. Tuy nhiên những thách thức lớn là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chênh lệch xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng quan liêu, “diễn biến hoà bình” do các thế lực thù địch gây ra.

- Nội dung:

Chủ đề của Đại hội là: Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức mới về con đường đi lên xây dựng CNXH ở nước ta

+Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu,

nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân. Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; hướng mọi hoạt động văn hoá vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, về năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Tăng cường quốc phòng, an ninh; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

- Ý nghĩa: Đại hội lần thứ IX của Đảng khai mạc đúng vào năm đầu thế kỷ XXI, là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới*, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Thành công của Đại hội thể hiện bản lĩnh, ý chí kiên cường, đánh dấu bước trưởng thành về lý luận và thực tiễn của Đảng. Các văn kiện của Đại hội là kết tinh trí tuệ của

toàn Đảng, toàn dân, là vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hoá Cương lĩnh chính trị năm 1991; tiếp tục phát triển đường lối của Đại hội VI, Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng với những nhận thức mới.

b. ĐHĐBTQ X và quá trình thực hiện 2006-2011

- Thời gian: 18-25/4/2006

- Địa điểm: Hà Nội

- Thành phần: 1.176 đại biểu

- Bối cảnh: Đại hội họp trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học có bước phát triển nhảy vọt. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng chứa đựng nhiều yếu tố gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, hoạt động can thiệp, khủng bố, tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển đảo... tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi và rất phức tạp. Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á tiếp tục phát triển nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Đất nước ta sau 20 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, đã đưa lại cho đất nước ta một sự thay đổi cơ bản, toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước. Tuy nhiên, đất nước đang đứng trước thách thức lớn.

- Nội dung:

+ĐH tổng kết 20 năm đổi mới và rút ra Bài học kinh nghiệm: *Một là*, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. *Hai là*, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. *Ba là*, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. *Bốn là*, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Năm là*, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

+ĐH tiếp thu 2 đặc trưng mới của CNXH so với Cương lĩnh 1991: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh; có nhà nước pháp quyền XHCN.

+ Chủ đề “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”. Một số điểm mới trong chủ đề đại hội X:

Đại hội X khẳng định vai trò và trách nhiệm to lớn của Đảng đối với dân tộc. Do đó phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng. ĐH X cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân nhưng yêu cầu phải tuân thủ Điều lệ Đảng, nghị quyết Đảng và quy định của pháp luật đồng thời nêu cao tính gương mẫu của Đảng viên.

Phát huy sức mạnh toàn dân tộc

Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới trong đó tập trung vào tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh CNXH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế.

- Ý nghĩa: *Đại hội* thể hiện tinh thần đoàn kết của toàn đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở trong và ngoài nước đã phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự cường góp nhiều công sức vào thành công của Đại hội; quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

N3: Nội dung sinh viên nên biết

***Quá trình chỉ đạo thực hiện sau ĐH IX (SV tự đọc thêm)**

***Quá trình chỉ đạo thực hiện sau ĐH X (SV tự đọc thêm)**

-Những thành tựu của đất nước trong quá trình tiến hành đổi mới đất nước (1996-2006)

d. Củng cố

-Nội dung đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa tại ĐH IX (2001)

- Nội dung đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong ĐH X (2006)

e. Giao nhiệm vụ

Đọc tiếp các nội dung của chương 3 trong SGT

Thảo luận: 2 tiết

a. Xác định mục tiêu

-Kiến thức: Củng cố kiến thức cho SV về đường lối, Cương lĩnh, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước năm 2006-2018

- Kỹ năng: Rèn cho SV phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

-Thái độ: Củng cố niềm tin của SV vào thắng lợi của Đảng tổng lãnh đạo và đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (2006-2018), củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

b. Chuẩn bị

GV: Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương môn học, lịch cá nhân, danh sách điểm danh, bảng ghi điểm, máy chiếu, phấn, bảng, microphone,...

SV: Sách giáo trình, vở ghi, bút dạ, tài liệu tham khảo (nếu có).

c. Nội dung giảng dạy chi tiết

SV đọc các lại các nội dung lý thuyết trao đổi thảo luận 3 vấn đề sau:

1. Nội dung đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa tại ĐH IX (2001) và khái quát quá trình thực hiện của Đảng

2. Nội dung đường lối cách mạng ĐH X (2006) và khái quát quá trình thực hiện của Đảng

Phương pháp: GV chia lớp thành các nhóm và tiến hành thảo luận theo các vấn đề trên. GV chốt lại kiến thức.

2 tiết lý thuyết

Chương 3 (tiếp theo)

a. Xác định mục tiêu

-Kiến thức: Củng cố kiến thức cho SV về đường lối, Cương lĩnh, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước năm 1986 - 2006

- Kỹ năng: Rèn cho SV phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

-Thái độ: Củng cố niềm tin của SV vào thắng lợi của Đảng tổng lãnh đạo và đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1986 - 2006), củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

b. Chuẩn bị

GV: Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương môn học, lịch cá nhân, danh sách điểm danh, bảng ghi điểm, máy chiếu, phấn, bảng, microphone,...

SV: Sách giáo trình, vở ghi, bút dạ, tài liệu tham khảo (nếu có).

c. Nội dung giảng dạy chi tiết

N1: Nội dung SV phải biết

c. ĐHĐBTQ lần XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991

* Hoàn cảnh lịch sử

Đại hội lần thứ XI của Đảng họp vào tháng 1 năm 2011 tại Hà Nội, khi đất nước vừa kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Dự Đại hội có 1.377 đại biểu thay mặt cho 3,6 triệu đảng viên cả nước.

Đại hội họp trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, bất ổn chính trị - xã hội, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ vẫn diễn ra ở nhiều nơi, diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành những vấn đề nghiêm trọng trên toàn thế giới.

Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra, nhưng cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm cần được khắc phục. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hoà bình”.

* Nội dung chủ yếu của Đại hội

Với chủ đề “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

- Nội dung cơ bản của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta (bổ sung, phát triển năm 2011)

Kế thừa và phát triển thành tựu lý luận, thực tiễn qua các Đại hội VIII, IX, X và XI của Đảng, Cương lĩnh năm 2011 đã bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991. Về kết cấu, có 3 điểm bổ sung quan trọng: Phần III thành “Những định hướng lớn về phát triển

kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại”. Phần “giáo dục và đào tạo”, “khoa học và công nghệ” ở nội dung kinh tế chuyển sang văn hoá. Đánh số thứ tự lại trong mỗi phần.

+ Về quá trình cách mạng Việt Nam: Cương lĩnh năm 2011 diễn đạt mới về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và thành quả mà những thắng lợi vĩ đại đó mang lại. Cách diễn đạt đó vừa trung thực với lịch sử vừa cổ vũ niềm tự hào dân tộc và phù hợp với quan hệ đối ngoại hiện nay. Cương lĩnh đã đánh giá tổng quát sai lầm, khuyết điểm, nguyên nhân và chỉ rõ thái độ của Đảng.

+ Về những bài học kinh nghiệm lớn: Cương lĩnh năm 2011 cơ bản giữ nguyên 5 bài học như Cương lĩnh năm 1991, sửa đổi từ bảo đảm bằng từ quyết định ở bài học thứ 5. Năm bài học là: Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

+ Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta: Đặc điểm, xu thế chung và tác động tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển. Về chủ nghĩa xã hội có ba nhận định: Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt. Sự sụp đổ của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu thực sự là một tổn thất lớn, dẫn đến nhiều khó khăn cho phong trào cách mạng thế giới và nước ta. Đánh giá mới về chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công, khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Cương lĩnh năm 2011 bổ sung vấn đề cấp bách là chống khủng bố; vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

+ Về mô hình chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh bổ sung, phát triển ba điểm: Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội với 8 đặc trưng: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Do nhân dân làm chủ. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. Có nền

văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Cương lĩnh năm 2011, có bổ sung, sửa đổi nhiều nội dung mới và khẳng định: Quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Chúng ta có những thuận lợi cơ bản, là một thời cơ để phát triển.

Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tám phương hướng xây dựng đất nước được xếp sắp hợp lý hơn: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cương lĩnh năm 2011 bổ sung: Nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: Giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

- Về những định hướng lớn về phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

Định hướng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

+ Định hướng lớn về phát triển văn hoá, xã hội: bổ sung 2 nội dung lớn: Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc..., trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam..., vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

- Về con người, bổ sung mới: Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển... Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.

- Về giáo dục và đào tạo, có 3 bổ sung, phát triển: Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế.

Về khoa học và công nghệ có 2 bổ sung mới: Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ.

Về bảo vệ môi trường, bổ sung: Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân.

Về chính sách xã hội, bổ sung: Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững. Thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội thành hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số. Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

+ Định hướng lớn về quốc phòng, an ninh, bổ sung: Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

+ Định hướng về đối ngoại, bổ sung: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế...; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

+ Về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng

Về dân chủ xã hội chủ nghĩa, bổ sung: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

Về Nhà nước, bổ sung: Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, bổ sung và phát triển: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về Đảng Cộng sản Việt Nam, bổ sung: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân

tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Tiếp tục khẳng định “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”.

Cương lĩnh năm 2011 đưa ra định nghĩa mới: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”.

Cương lĩnh năm 2011 bổ sung Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên... Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn.

+ Ý nghĩa của Cương lĩnh năm 2011

Qua 20 năm, Đảng có những nhận thức mới về những vấn đề cơ bản, về vận dụng chủ nghĩa Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào cách mạng Việt Nam trong điều kiện mới. Cương lĩnh là cơ sở đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động của toàn Đảng, toàn dân.

Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; định hướng cho mọi hoạt động của Đảng và hệ thống chính trị nước ta trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 nêu rõ: Trong 10 năm 2001 - 2010, đất nước vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những tác động tiêu cực của hai cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và toàn cầu, đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, kinh tế phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc.

Quan điểm phát triển của Chiến lược (2011- 2020): Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Đổi

mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Mục tiêu tổng quát: Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

- Các đột phá chiến lược: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, có một số công trình hiện đại.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường. Hoàn thiện bộ máy nhà nước, chuyển mạnh về cải cách hành chính. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

- Nội dung cơ bản Báo cáo chính trị của Đại hội (12 phần lớn)

Kiểm điểm 5 năm thực hiện nghị quyết đại hội X; nhìn lại 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, 20 năm thực hiện cương lĩnh năm 1991.

Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tạo nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn. Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Hoàn thiện quy hoạch hệ thống kết cấu

hạ tầng cả nước. Phát triển nhanh nguồn điện bảo đảm đủ điện cho sản xuất và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, nước, khí thải và các công trình bảo vệ môi trường. Phát triển kinh tế - xã hội hài hoà giữa các vùng, đô thị và nông thôn.

+ Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường. Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước. Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả. Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, phong phú, đa dạng. Phát triển hệ thống thông tin đại chúng, Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hoá.

Thực hiện có hiệu quả tiên bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, của hệ thống chính trị, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tăng cường tiềm lực và thế trận quốc phòng, an ninh. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính.

Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

- Ý nghĩa: Đại hội XI của Đảng đã khẳng định các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó hàng đầu là nâng cao lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đây là bước quan trọng

thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội theo Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011. Đại hội XI đã thông qua các văn kiện kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta; là sự tiếp tục khẳng định, hoàn thiện và phát triển đường lối đổi mới của Đảng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xác định mục tiêu, nhiệm vụ phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân tộc ta trong thời kỳ mới.

b. ĐHĐBTQ XII, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động, hội nhập quốc tế

* Hoàn cảnh lịch sử

Đại hội lần thứ XI của Đảng họp từ 20 đến 28 tháng 1 năm 2016 tại Hà Nội,. Dự Đại hội có 1.510 đại biểu thay mặt cho 4,5 triệu đảng viên cả nước.

Đại hội họp trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; cạnh tranh về nhiều mặt ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực; diễn biến phức tạp trên Biển Đông,... đã tác động bất lợi đến nước ta.

Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra, nhưng cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm cần được khắc phục. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hoà bình”. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gây thiệt hại nặng nề. Nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội ngày càng cao. Đồng thời, chúng ta phải dành nhiều nguồn lực để bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền đất nước trước những động thái mới của tình hình khu vực và quốc tế.

* Nội dung chủ yếu của Đại hội

+Bài học kinh nghiệm: Một, trước những khó khăn, thách thức trên con đường đổi mới, phải hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phải phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Hai, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, bám sát thực tiễn của đất nước và thế giới; đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp. Ba, gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc

phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Bốn, kiên trì thực hiện các mục tiêu lâu dài, các nhiệm vụ cơ bản, đồng thời tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, giải quyết dứt điểm những yếu kém, ách tắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển; chú trọng ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội. Năm, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm mục tiêu cao nhất

+Mục tiêu tổng quát phát triển đất nước năm 2016-2020: Tăng cường xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc, bảo vệ đảng, nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. giữ gìn hoà bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

+ Nhiệm vụ trọng tâm ĐH XII sau:

- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

- Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp

nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

- Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

***Ý nghĩa đại hội**

Qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Thành công tốt đẹp của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua khó khăn, thách thức, tranh thủ cơ hội mới, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

N2: Nội dung SV nên biết

***Quá trình chỉ đạo, thực hiện nghị quyết ĐH XII**

-NQ Hội nghị TƯ 4 khóa XII (10/2016) về tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- NQ Hội nghị TƯ 5 khóa XII (5/2017) chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

-Bộ Chính trị khóa XII ban hành Chỉ thị 05 – CT/TW (5/2016) tiếp tục đẩy mạnh “ Học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, coi đây là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về tư tưởng, chính trị, tổ chức và đạo đức

- NQ Hội nghị TƯ 7 khóa XII (5/2018) ban hành nghị quyết về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

- NQ hội nghị TW 6 khóa XII “(10/2017) ban hành Nghị quyết tăng cường công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe toàn dân và nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới.

N3: Nội dung SV có thể biết

***Quá trình chỉ đạo, thực hiện nghị quyết ĐH XI (SV tự nghiên cứu)**

3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới đất nước (SV tự nghiên cứu)

d. Củng cố

-Nội dung Cương lĩnh bổ sung và phát triển 2011 tại ĐH XI (2011)

- Nội dung đường lối tiếp tục đổi mới toàn diện đất nước trong ĐH XII (2016)

e. Giao nhiệm vụ

Ôn tập lại các vấn đề đã học tại chương 3